

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

GIANG THỊ THẢO

**SO SÁNH QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
VÀ QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC
VỀ TỘI RỬA TIỀN**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2016

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

GIANG THỊ THẢO

**SO SÁNH QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM
VÀ QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ MỘT SỐ NƯỚC
VỀ TỘI RỬA TIỀN**

Chuyên ngành: Luật hình sự và tổ tụng hình sự
Mã số: 60 38 01 04

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS DƯƠNG TUYẾT MIÊN

HÀ NỘI - 2016

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

NGƯỜI CAM ĐOAN

Giang Thị Thảo

MỤC LỤC

Trang

Trang phụ bìa

Lời cam đoan

Mục lục

Danh mục từ viết tắt

MỞ ĐẦU 1

**Chương 1: DẤU HIỆU PHÁP LÝ CỦA TỘI RỬA TIỀN THEO QUY
ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999** 7

**1.1. Dấu hiệu pháp lý của tội rửa tiền theo quy định của BLHS
Việt Nam năm 1999** 7

1.1.1. Khách thể của tội rửa tiền..... 7

1.1.2. Mặt khách quan của tội rửa tiền 12

1.1.3. Mặt chủ quan của tội rửa tiền 18

1.1.4. Chủ thể của tội rửa tiền..... 21

**1.2. Đường lối xử lý của tội rửa tiền theo quy định của Bộ luật
hình sự năm 1999** 24

1.2.1. Khoản 1 Điều 251 24

1.2.2. Khoản 2 Điều 251 25

1.2.3. Khoản 3 Điều 251 30

**1.3. So sánh quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 với qui
định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội rửa tiền**..... 35

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1 38

**Chương 2: SO SÁNH QUY ĐỊNH VỀ TỘI RỬA TIỀN THEO
QUI ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN
HÀNH (BLHS NĂM 1999) VỚI QUY ĐỊNH TƯƠNG ỨNG
CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA THUỘC HỆ THỐNG LUẬT
THÀNH VĂN VÀ HỆ THỐNG ÁN LỆ** 39

**2.1. So sánh qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999
với qui định của Bộ luật hình sự Trung Quốc, Thụy Điển
(thuộc hệ thống luật thành văn) về tội rửa tiền** 39

2.1.1.	So sánh qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam với qui định của Bộ luật hình sự Trung Quốc về tội rửa tiền	39
2.1.2.	So sánh qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam với qui định của Bộ luật hình sự Thụy Điển về tội rửa tiền	43
2.2.	So sánh quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 với quy định của pháp luật hình sự Mỹ và Canada (thuộc hệ thống án lệ) về tội rửa tiền	48
2.2.1.	So sánh quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 với quy định của pháp luật hình sự Mỹ về tội rửa tiền	48
2.2.2.	So sánh quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 với quy định của Bộ luật hình sự Canada về tội rửa tiền	53
KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....		59
Chương 3: PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI RỬA TIỀN		60
3.1.	Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc cần thiết hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự về tội rửa tiền	60
3.1.1.	Cơ sở lý luận.....	60
3.1.2.	Cơ sở thực tiễn.....	67
3.2.	Bài học kinh nghiệm về lập pháp hình sự từ việc so sánh với Bộ luật hình sự Trung Quốc và Thụy Điển, Mỹ và Canada	71
3.2.1.	Bài học kinh nghiệm về lập pháp hình sự từ việc so sánh với Bộ luật hình sự Trung Quốc và Thụy Điển	71
3.2.2.	Bài học kinh nghiệm về lập pháp hình sự từ việc so sánh với pháp luật hình sự của Mỹ và Canada.....	74
3.3.	Những đề xuất cụ thể	75
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....		79
KẾT LUẬN		80
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....		82

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

BLHS:	Bộ luật hình sự
CTTP:	Cấu thành tội phạm
FATF:	Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền
TNHS:	Trách nhiệm hình sự

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Rửa tiền là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xuất hiện từ lâu trên thế giới. Cùng với quá trình toàn cầu hoá và sự phát triển của đời sống xã hội, hành vi rửa tiền ngày càng lớn về quy mô, đa dạng, tinh vi về cách tiến hành. Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, khi mà đời sống kinh tế - xã hội ngày càng phát triển mạnh mẽ, tội phạm rửa tiền cũng ngày một phát triển. Không chỉ gây thiệt hại nghiêm trọng cho nền kinh tế, rửa tiền còn ảnh hưởng lớn đến an ninh quốc gia, tác động nghiêm trọng đến sự trong sạch và hoàn chỉnh của hệ thống tài chính quốc gia. Hơn thế nữa, tội phạm rửa tiền không chỉ tồn tại trong một quốc gia mà còn phát triển, lan rộng ra khỏi biên giới quốc gia và mang tính quốc tế. Vì thế, rửa tiền được xem là loại tội phạm không biên giới, có ảnh hưởng lâu dài, thậm chí lũng đoạn kinh tế, chính trị quốc gia và khu vực. Trên thực tế, hoạt động rửa tiền rất tinh vi, việc phát hiện, điều tra tội phạm này cực kỳ phức tạp.

Lần đầu tiên được tội phạm hoá trong BLHS năm 1999, hành vi rửa tiền có tên gọi là tội hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có (Điều 251 BLHS 1999). Sau đó, tội danh này được sửa đổi với tên gọi mới là tội rửa tiền tại BLHS sửa đổi, bổ sung năm 2009 và có hiệu lực ngày 01/01/2010. Cùng với sự ra đời của Luật phòng, chống rửa tiền, từ đó cho đến nay, Việt Nam mới chỉ xét xử duy nhất một vụ án về tội phạm này. (Năm 2006, Toà án nhân dân TP Hà Nội đã xét xử vụ Phan Văn Căn về tội hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có. Bị cáo đã bị kết án 1 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Một số vụ án rửa tiền khác tuy đã bị phát hiện ở Việt Nam nhưng do nhiều lí do khác nhau nên đã không bị xét xử tại Việt Nam. Ví dụ như vụ án Lê Thị Phương Mai, Việt Kiều Mỹ. Lê Thị Phương Mai cầm đầu một băng nhóm tội

phạm buôn bán ma túy ở Canada và Mỹ. Lê Thị Phương Mai đã bị Cục điều tra Liên bang Mỹ (FBI) bắt và xét xử tại Mỹ. Quá trình điều tra của FBI cho thấy, Lê Thị Phương Mai đã rửa 25 triệu đô la ở Khánh Hoà thông qua việc đầu tư kinh doanh bất động sản tại tỉnh này). Điều này cho thấy còn tồn tại bất cập trong qui định của BLHS hiện hành về tội danh này cũng như thực tiễn áp dụng. Trong khi đó, ở nhiều nước trên thế giới, hoạt động xây dựng và áp dụng pháp luật hình sự đối với tội phạm này đã khá phát triển và đạt được nhiều bước tiến đáng kể trong phòng, chống rửa tiền. Do đó, nghiên cứu, so sánh quy định về tội rửa tiền theo qui định của luật hình sự Việt Nam với quy định của pháp luật hình sự một số quốc gia trên thế giới, từ đó đưa ra các đề xuất cụ thể để hoàn thiện qui định của BLHS Việt Nam về tội rửa tiền là rất cần thiết. Với lí do đó, em đã chọn và nghiên cứu đề tài *“So sánh quy định của BLHS Việt Nam và quy định của BLHS một số nước trên thế giới về tội rửa tiền”* làm luận văn thạc sĩ của mình với mong muốn góp phần nhỏ bé vào việc hoàn thiện các quy định của BLHS về tội rửa tiền, góp phần vào công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm nói chung và đấu tranh phòng chống tội phạm này nói riêng.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Dưới góc độ luật hình sự, trong thời gian qua đã có một số công trình nghiên cứu sau có liên quan đến đề tài:

*** Về luận văn thạc sĩ luật học có các công trình sau:**

+ “*Tội hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có trong luật hình sự Việt Nam*”; tác giả Nguyễn Triệu Như Thường, Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2008;

+ “*Việt Nam với nghĩa vụ pháp lý thành viên nhóm Châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG)*”; tác giả Nguyễn Thị Thúy Ngọc, Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2009;

+ “*Hoàn thiện quy định về tội rửa tiền trong Luật Hình sự Việt Nam trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế*”; tác giả Trần Văn Tuấn, Đại học quốc gia Hà Nội, năm 2013.

*** Về khoá luận tốt nghiệp đại học có các công trình sau:**

+ “*Pháp luật về phòng, chống rửa tiền trong hoạt động ngân hàng - Thực trạng và hướng hoàn thiện*”, tác giả Tào Thu Minh Nguyệt, Đại học luật Hà Nội, năm 2009;

+ “*Tội rửa tiền dưới góc độ so sánh luật*”; tác giả Nguyễn Thị Vân Anh, Đại học luật Hà Nội, năm 2012;

+ “*Một số đánh giá về pháp luật phòng, chống rửa tiền trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam*”, tác giả Bùi Thị Hằng, Đại học luật Hà Nội, năm 2012;

*** Về bài viết đăng trên tạp chí có các công trình sau:**

+ *Về hành vi "Rửa tiền" theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam*, tác giả Nguyễn Hữu Thanh, Tạp chí Luật học - Trường Đại học Luật Hà Nội, Số 6/2001, tr. 36 - 41;

+ *Tìm hiểu về việc phòng chống tội phạm rửa tiền trên thế giới*, tác giả Nông Xuân Trường, Tạp chí Kiểm sát - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Số 5/2005, tr. 52 - 54;

+ *Sửa đổi, bổ sung quy định của BLHS về tội rửa tiền góp phần tháo gỡ khó khăn trong thực tiễn và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế*, tác giả Nguyễn Văn Hoàn, Tạp chí Kiểm sát - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Số 4/2009, tr. 56 - 61;

+ *Phòng chống rửa tiền ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế*; tác giả Vương Tinh Mạch. Tạp chí Nghiên cứu lập pháp - Văn phòng Quốc hội, Số 7/2009, tr. 48 - 51;

+ *Phòng chống rửa tiền - kinh nghiệm của các nước và bài học cho*

Việt Nam, tác giả Văn Tạo, Tạp chí Ngân hàng - Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Số 1/2010, tr. 31 - 39;

+ *Tội phạm rửa tiền trong luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS và một số vấn đề cần chú ý khi áp dụng*, tác giả Đặng Thu Hiền, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật - Bộ Tư pháp, Số 5/2010, tr. 19 - 25;

+ *Đánh giá tính tương thích giữa qui định của BLHS Việt Nam với qui định của chuẩn mức quốc tế về tội rửa tiền*, tác giả Dương Tuyết Miên, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 4/2011.

Các công trình trên ở các mức độ khác nhau đã nghiên cứu về tội rửa tiền dưới góc độ luật hình sự. Đề tài về tội rửa tiền nghiên cứu dưới góc độ so sánh đã có một số tác giả tìm hiểu, tuy nhiên, cho đến nay chưa có tác giả nào nghiên cứu, so sánh một cách tổng thể về tội rửa tiền theo qui định của BLHS Việt Nam với một số quốc gia có pháp luật hình sự phát triển thuộc hai hệ thống pháp luật điển hình trên thế giới là hệ thống luật thành văn (Civil Law) và hệ thống án lệ hay còn gọi là hệ thống thông luật (Common Law), từ đó đề xuất kiến nghị, góp phần hoàn thiện qui định tương ứng của BLHS Việt Nam. Vì lẽ đó, tác giả đã chọn đề tài “*So sánh quy định của BLHS Việt Nam và quy định của BLHS một số nước trên thế giới về tội rửa tiền*” làm luận văn thạc sĩ của mình.

3. Mục đích nghiên cứu của đề tài

Luận văn sẽ góp phần làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về tội rửa tiền trên cơ sở nghiên cứu qui định của BLHS Việt Nam hiện hành, so sánh với quy định tương ứng của BLHS của một số quốc gia điển hình thuộc hai hệ thống pháp luật lớn nhất trên thế giới. Cụ thể là BLHS Trung Quốc và Thụy Điển thuộc hệ thống luật thành văn (Civil Law); BLHS của Mỹ và Canada thuộc hệ thống án lệ (Common Law); từ đó đề xuất những kiến nghị cụ thể góp phần hoàn thiện quy định của BLHS nước ta về tội danh này.

4. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, tác giả đặt ra những nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Nghiên cứu quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về tội rửa tiền (có sự liên hệ với qui định của BLHS năm 2015).

- Nghiên cứu so sánh quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về tội rửa tiền với qui định tương ứng của BLHS Trung Quốc và Thụy Điển (thuộc hệ thống luật thành văn), đồng thời, cũng so sánh với qui định BLHS của Mỹ và Canada (thuộc hệ thống án lệ), từ đó xem xét, học tập kinh nghiệm lập pháp hình sự của các quốc gia này khi qui định về tội rửa tiền.

- Đề xuất, kiến nghị nhằm hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam về tội danh này.

5. Phạm vi nghiên cứu của đề tài

Luận văn được nghiên cứu *dưới góc độ luật hình sự và so sánh luật*. Tác giả sẽ tập trung nghiên cứu các quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về dấu hiệu pháp lý và đường lối xử lý đối với tội rửa tiền, có sự liên hệ với qui định của BLHS năm 2015 về tội rửa tiền; so sánh với quy định này của BLHS Việt Nam với BLHS của một số quốc gia điển hình là BLHS Trung Quốc và Thụy Điển (thuộc hệ thống luật thành văn), BLHS của Mỹ và Canada (thuộc hệ thống án lệ).

6. Tính mới của đề tài

Luận văn là công trình nghiên cứu ở cấp độ thạc sĩ nghiên cứu chuyên sâu, tương đối toàn diện dưới góc độ so sánh luật trên cơ sở nghiên cứu qui định của BLHS Việt Nam hiện hành về tội rửa tiền trong sự so sánh với BLHS của một số quốc gia có pháp luật hình sự phát triển thuộc hai hệ thống pháp luật điển hình trên thế giới là hệ thống luật thành văn (Civil Law) và hệ thống án lệ (Common Law).

7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

- Để nghiên cứu luận văn, tác giả sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử), tư tưởng Hồ Chí Minh và những chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước về đấu tranh phòng chống tội phạm, về chính sách hình sự nói chung.

- Tác giả sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau: phương pháp so sánh, phương pháp phân tích, tổng hợp, phương pháp lịch sử ...

8. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Dấu hiệu pháp lý và đường lối xử lý của tội rửa tiền theo quy định tại BLHS Việt Nam năm 1999.

Chương 2: So sánh quy định về tội rửa tiền theo qui định của BLHS Việt Nam hiện hành với quy định tương ứng của BLHS một số quốc gia điển hình thuộc hệ thống luật thành văn và hệ thống án lệ.

Chương 3: Phương hướng hoàn thiện quy định của BLHS Việt Nam hiện hành về tội rửa tiền.

Chương 1

DẤU HIỆU PHÁP LÝ CỦA TỘI RỬA TIỀN THEO QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM NĂM 1999

Thuật ngữ “rửa tiền” lần đầu tiên xuất hiện trên báo chí Mỹ vào năm 1973 trong vụ bê bối tài chính Watergate nổi tiếng nước Mỹ, tuy nhiên, phải đợi 5 năm sau, thuật ngữ “rửa tiền” mới chính thức được sử dụng trong một số văn bản pháp lý của tòa án Mỹ [41]. Sau đó, thuật ngữ này dần trở nên phổ biến trong những thập kỉ gần đây bởi tính phổ biến và mức độ ảnh hưởng của chúng. Theo Lực lượng đặc nhiệm tài chính FATF (*Finance Action Task Force*) - Tổ chức chuyên nghiên cứu và đưa ra những chuẩn mực quốc tế về chống rửa tiền và tài trợ cho khủng bố, được thành lập tại Hội nghị thượng đỉnh của nhóm G7 ở Paris vào năm 1989), rửa tiền được hiểu là: *“rửa tiền là toàn bộ các hoạt động được tiến hành một cách cố ý nhằm hợp pháp hóa tiền và tài sản có nguồn gốc từ tội phạm”* [41].

Theo quy định tại Luật phòng chống rửa tiền của Việt Nam thì *“rửa tiền là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có”* [32, Điều 4, khoản 1]. Cho đến nay, hầu hết luật hình sự của các nước trên thế giới đều đã quy định về tội rửa tiền. Dưới đây, tác giả sẽ trình bày dấu hiệu pháp lý của tội rửa tiền theo quy định của BLHS Việt Nam năm 1999.

1.1. Dấu hiệu pháp lý của tội rửa tiền theo quy định của BLHS Việt Nam năm 1999

1.1.1. Khách thể của tội rửa tiền

Theo khoa học luật hình sự, *“khách thể của tội phạm là những quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ và bị tội phạm xâm hại”* [38, tr.78].

Trong BLHS năm 1999, tội rửa tiền được xếp vào chương XIX “các tội

xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng”. Như vậy theo quy định của BLHS hiện hành thì khách thể loại của tội phạm này là quan hệ xã hội về trật tự, an toàn công cộng. An toàn công cộng, trật tự công cộng là hệ thống các quan hệ xã hội được hình thành và điều chỉnh bởi các quy định của pháp luật và các nội quy, quy tắc về trật tự chung, an toàn chung đòi hỏi mọi thành viên của xã hội phải tuân theo những quy định đó nhằm đảm bảo cuộc sống, lao động, sinh hoạt bình thường của mọi người trong xã hội. Đây là nhóm quan hệ xã hội rộng lớn, ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội, là nền tảng cho sự phát triển của xã hội. Theo cách hiểu chung, rửa tiền là hành vi nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc bất hợp pháp của các khoản tiền do phạm tội mà có. Từ định nghĩa này có thể thấy, hoạt động rửa tiền ảnh hưởng tiêu cực đến nhiều mặt của đời sống xã hội như làm rối loạn hoạt động tài chính - tiền tệ, ảnh hưởng đến sự lành mạnh của các định chế tài chính, mặt bằng thu nhập, tạo điều kiện cho tội phạm và tệ nạn xã hội gia tăng, làm sai lệch mặt bằng đầu tư dẫn đến mất ổn định kinh tế, làm suy yếu việc cải tổ nền kinh tế. Ngoài ra, tội phạm rửa tiền còn gây khó khăn cho công tác điều tra tội phạm, thu hồi tài sản phạm pháp, gây ảnh hưởng xấu tới uy tín quốc gia, gây mất niềm tin vào công lý, phá vỡ trật tự phát triển kinh tế lành mạnh của quốc gia và quốc tế. Không phải ngẫu nhiên mà trong Công ước của Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988 - Công ước đầu tiên đề cập đến việc cần thiết phải hình sự hóa hành vi rửa tiền trong pháp luật mỗi quốc gia, khi nhận định về hoạt động buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần trong vai trò là tội phạm nguồn của tội rửa tiền đã sử dụng những cụm từ như “ảnh hưởng bất lợi đối với nền kinh tế, văn hóa, chính trị của xã hội” và “tạo điều kiện cho các tổ chức tội phạm xuyên quốc gia thâm nhập, làm ô nhiễm và phá hoại cơ cấu bộ máy Chính phủ, hoạt động tài chính và thương mại hợp pháp, phá hoại xã hội ở mọi cấp độ” [17].

Như vậy, nhìn nhận một cách chung nhất, tội phạm rửa tiền xâm hại đến trật tự hoạt động bình thường của đời sống kinh tế - xã hội, đảo lộn trật tự chung, gây mất an toàn công cộng, làm rối loạn môi trường xã hội. Qua đó, có thể thấy tính nguy hiểm và cần ngăn chặn tội phạm rửa tiền, đặc biệt là trong bối cảnh kinh tế thị trường của nước ta hiện nay. Tuy nhiên, với cách sắp xếp của BLHS hiện hành, tội rửa tiền đang được xếp vào nhóm tội có khách thể mang tính vĩ mô hơn là vi mô. Bởi nhìn nhận một cách khách quan thì hoạt động rửa tiền trước tiên là xâm hại đến các quan hệ xã hội thuộc nhóm kinh tế, làm mất cân bằng, ổn định và trật tự của nền kinh tế, qua đó mới gián tiếp gây ảnh hưởng đến ổn định xã hội, an toàn, trật tự công cộng, đến đời sống xã hội nói chung. Đây cũng là một vấn đề cần lưu ý để sắp xếp nhóm cho phù hợp hơn để việc xác định các đường lối xử lý, ngăn chặn tội phạm này được hiệu quả, chính xác hơn.

Về khách thể trực tiếp, tội phạm rửa tiền xâm phạm trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có. Những tài sản mà tội phạm có được do phạm tội lẽ ra phải bị phát hiện kịp thời, tịch thu để xử lý theo quy định pháp luật hiện hành nhằm đảm bảo sự chuẩn mực của hoạt động tư pháp, sự trong sạch, lành mạnh, ổn định của hoạt động kinh tế, nhằm thiết lập trật tự công cộng chuẩn mực, nhưng những tài sản này lại bị tội phạm rửa tiền quản lý, sử dụng theo cách riêng của chúng nhằm hợp pháp hoá tài sản. Như vậy, tài sản đã không nằm trong chu trình vận động bình thường trong xã hội mà đi theo một chu trình mới có sự điều khiển của kẻ phạm tội rửa tiền. Trật tự quản lý nhà nước đối với tài sản này đã bị phá vỡ hoàn toàn. Xâm hại trật tự này, tội phạm rửa tiền tạo ra những khối tài sản, những dòng tiền có vẻ ngoài hợp pháp, sạch sẽ nhưng thực chất là tài sản, là tiền bất hợp pháp, tiền bẩn làm đảo lộn, làm mất tính ổn định và cạnh tranh lành mạnh cần thiết của môi trường kinh tế xã hội trong sạch, bình đẳng, dẫn đến những hệ lụy phức

tạp khó kiểm soát. Số tiền, tài sản do phạm tội mà có này sau khi tẩy rửa lại đem lại lợi ích cho một nhóm người trong xã hội. Mâu thuẫn này không chỉ nguy hiểm cho trật tự, an toàn công cộng, cho nền kinh tế mà còn thể hiện sự bất lực, yếu kém của Nhà nước trong quản lý xã hội và đấu tranh chống tội phạm. Về lâu dài, nếu không kiểm soát được vấn đề này mà để nó phát triển có thể dẫn tới đổ vỡ tài chính, kinh tế gây nên những hậu quả khôn lường về chính trị - xã hội. Như vậy, tội phạm rửa tiền đã xâm hại đến một quan hệ xã hội quan trọng, có tính thiết yếu trong đời sống công cộng nói chung và đời sống kinh tế nói riêng.

Xét ở góc độ khác, có thể nói rằng khách thể trực tiếp của tội phạm rửa tiền là quan hệ sở hữu. Do bản chất sở hữu bất hợp pháp tiền, tài sản do phạm tội mà có nên tội phạm rửa tiền tìm cách biến đổi thành sở hữu hợp pháp của chúng. Tài sản, tiền thu được từ hoạt động phạm tội đó thực chất thuộc sở hữu hợp pháp của đối tượng khác (như cá nhân, tổ chức, Nhà nước...) nhưng đã bị tội phạm nguồn chiếm đoạt rồi tội phạm rửa tiền tìm cách thay đổi, che đậy bản chất sở hữu bất hợp pháp đó bằng hình thức sở hữu hợp pháp thông qua nhiều cách thức tinh vi. Tuy nhiên, dù có thay đổi thì về bản chất, tiền, tài sản này vẫn là bất hợp pháp, không thuộc sở hữu của tội phạm.

Xét về đối tượng tác động của tội phạm. Đó là tiền, tài sản do phạm tội mà có. Theo quy định tại khoản 1 Điều 1 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC ngày 30/11/2011 của Bộ Công an, Bộ quốc phòng, Ngân hàng nhà nước, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội rửa tiền (sau đây gọi tắt là Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC) thì tài sản do phạm tội mà có là tài sản do người phạm tội có được trực tiếp từ việc thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: tài sản chiếm đoạt được,

tham ô, nhận hối lộ...) hoặc do người phạm tội có được từ việc mua bán, đổi chác bằng tài sản có được trực tiếp từ việc họ thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: xe máy có được từ việc dùng tiền tham ô để mua) [1]. Theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật phòng, chống rửa tiền số 07/2012/QH13 ngày 18/6/2012 (sau đây gọi tắt là Luật phòng, chống rửa tiền) thì:

Tài sản bao gồm vật, tiền, giấy tờ có giá và các quyền tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự, có thể tồn tại dưới hình thức vật chất hoặc phi vật chất; động sản hoặc bất động sản; hữu hình hoặc vô hình; các chứng từ hoặc công cụ pháp lý chứng minh quyền sở hữu hoặc lợi ích đối với tài sản đó [32, Điều 4, khoản 2].

Quy định này phù hợp với định nghĩa về tài sản được quy định tại khoản g Điều 1 Công ước Liên hợp quốc về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988 (sau đây gọi tắt là Công ước Viên) *“tài sản có nghĩa là tài sản dưới mọi hình thức hữu hình hay vô hình, động sản hay bất động sản, vật chất hay phi vật chất và cả những tài liệu hoặc văn bản pháp lý chứng nhận quyền sở hữu hoặc các quyền lợi trong tài sản đó”* [17, Điều 1]. Khác với quy định của pháp luật một số nước giới hạn tiền, tài sản trong một số tội phạm nguồn nhất định, BLHS Việt Nam 1999 không giới hạn do đó tiền, tài sản này có thể là kết quả của bất kỳ tội phạm nào khác. Tiền, tài sản này có hai vai trò, vừa là tiền, tài sản mà tội phạm ban đầu thu được, tức là kết quả của hành vi phạm tội nguồn, vừa là đối tượng tác động, mục tiêu của tội phạm rửa tiền. Về tính chất, tiền, tài sản này mang tính phi pháp, do đã bị chuyển đổi hình thức sở hữu một cách bất hợp pháp qua quá trình thực hiện tội phạm nguồn nên đó không phải là tiền, tài sản hợp pháp được phép lưu thông công khai trên thị trường. Với các tội phạm khác, sau khi tội phạm hoàn thành, các giá trị vật chất thu được như tiền, tài sản mang tính bất hợp pháp thì với tội phạm rửa tiền, sản phẩm tiền, tài sản lại

mang vỏ bọc hợp pháp (mặc dù bản chất của nó vẫn là bất hợp pháp). Do đó, có thể nói tội phạm rửa tiền là tội phạm mà tất cả các tội phạm thu được giá trị vật chất đều hướng tới, do tính chất đặc biệt của đối tượng tác động của tội phạm rửa tiền. Tuy nhiên, cách dùng từ “tiền, tài sản” mà BLHS đang sử dụng chưa phù hợp với cách dùng từ trong các văn bản pháp luật trong nước và quốc tế hiện nay chỉ dùng từ “tài sản” là đã bao hàm trong đó cả tiền, tài sản.

1.1.2. Mặt khách quan của tội rửa tiền

“Mặt khách quan của tội phạm là mặt bên ngoài của tội phạm bao gồm những biểu hiện của tội phạm diễn ra hoặc tồn tại bên ngoài thế giới khách quan” [38, tr.91]. Mặt khách quan của tội phạm bao gồm: hành vi khách quan nguy hiểm cho xã hội, hậu quả nguy hiểm cho xã hội, mối quan hệ nhân quả giữa hành vi và hậu quả, các điều kiện bên ngoài của việc thực hiện tội phạm như công cụ, phương tiện phạm tội, phương pháp thủ đoạn phạm tội...

Theo quy định tại Điều 251 BLHS năm 1999, tội rửa tiền được quy định là tội phạm có CTPP hình thức có nghĩa là nhà làm luật chỉ quy định (mô tả) hành vi khách quan và không quy định về hậu quả của tội phạm. Hành vi khách quan của tội rửa tiền gồm có bốn dạng hành vi sau đây:

Thứ nhất, hành vi *“tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác liên quan đến tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản đó”*.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC thì các hành vi thuộc nhóm một bao gồm:

- a) Gửi tiền và mở tài khoản tại ngân hàng;
- b) Cầm cố, thế chấp tài sản;
- c) Cho vay, ủy thác, thuê, mua tài chính;
- d) Chuyển tiền, đổi tiền;

- d) Mua, bán cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác;
- e) Phát hành chứng khoán;
- g) Phát hành các phương tiện thanh toán;
- h) Bảo lãnh và cam kết tài chính, kinh doanh ngoại hối, các công cụ thị trường tiền tệ, chứng khoán có thể chuyển nhượng;
- i) Quản lý danh mục đầu tư của cá nhân, tập thể;
- k) Quản lý tiền mặt hoặc chứng khoán thanh khoản thay mặt cho cá nhân, tập thể;
- l) Đầu tư vốn hoặc tiền cho cá nhân, tập thể;
- m) Tiến hành các hoạt động bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm liên quan đến các khoản đầu tư khác;
- n) Những hoạt động nhằm tạo sự chuyển đổi, chuyển dịch hoặc thay đổi quyền sở hữu đối với tiền, tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức [1, Điều 3, khoản 1].

Ở dạng hành vi này, người phạm tội đã thực hiện tội phạm bằng cách thực hiện các giao dịch tài chính, ngân hàng thông qua các tổ chức tài chính như tín dụng, chứng khoán, trái phiếu, chuyển tiền, đổi tiền, bảo hiểm... Đây là dạng hành vi đầu tiên được nhà làm luật liệt kê đến. Điều này khá phù hợp với thực tế vì đây là cách thức đầu tiên thường sử dụng trong quy trình rửa tiền mà tội phạm thường thực hiện. Quy trình này được trình bày khá kĩ trong một số tài liệu nghiên cứu của các cá nhân, tổ chức tài chính lớn trên thế giới [30]. Tác giả xin tóm lược như sau: Thông thường, quy trình rửa tiền được chia là ba giai đoạn. a) Giai đoạn đầu tiên là sắp đặt. Giai đoạn này liên quan đến việc bố trí các quỹ có nguồn gốc phi pháp vào trong hệ thống tài chính, thường thông qua một tổ chức tài chính ví dụ như gửi tiền vào tài khoản ngân hàng. Những lượng tiền mặt lớn được chia nhỏ và gửi dần vào các tài khoản, các bộ phận khác nhau của các tổ chức tài chính, hoặc đổi từ

tiền này sang tiền kia hay từ mệnh giá thấp sang mệnh giá cao. b) Giai đoạn 2 là sắp lớp (chia nhỏ), kẻ phạm tội sẽ thực hiện việc phân tán, quay vòng tiền. Giai đoạn này xảy ra khi những khoản tiền bản đã được đưa vào hệ thống tài chính, các khoản tiền, chứng khoán hoặc hợp đồng bảo hiểm tiếp tục được chuyển đổi hoặc chuyển sang các tổ chức khác nhằm tiếp tục tách chúng ra khỏi nguồn gốc phạm tội. Trong giai đoạn này, những kẻ rửa tiền sử dụng tiền bản để thực hiện càng nhiều giao dịch tài chính càng tốt, đặc biệt là các giao dịch xuyên quốc gia như chuyển đổi qua lại giữa các tài khoản ngân hàng, các quốc gia, đầu tư dự án, chuyển đổi thành chứng khoán, séc du lịch... nhằm tạo ra một mạng lưới giao dịch chằng chịt, phức tạp và khó lần dấu vết, càng xa điểm xuất phát càng tốt. c) Giai đoạn cuối cùng là hòa nhập: đưa khoản tiền vào nền kinh tế chính thống như mua tài sản như hàng xa xỉ, bất động sản...

Người phạm tội trong giai đoạn đầu tiên có thể thực hiện hành vi trực tiếp như mở tài khoản, mang tiền gửi vào tài khoản, hoặc hoạt động nghiệp vụ nếu là người có chuyên môn nghiệp vụ ngân hàng tài chính, hoặc gián tiếp như tư vấn, chỉ đạo, nhờ vả, ép buộc người khác thực hiện hành vi... Như vậy trong giai đoạn này, tội phạm rửa tiền thành công nhờ thông qua tính pháp lý trong các giao dịch với pháp nhân là các tổ chức, các định chế tài chính để hợp pháp số tiền bản. Do đó, Luật phòng, chống rửa tiền đã quy định rất nhiều nội dung liên quan đến việc theo dõi, giám sát, báo cáo và xử lý các giao dịch tài chính đáng ngờ [32]. Những quy định này là cần thiết và phù hợp với nhóm các khuyến nghị B “các biện pháp được các định chế tài chính và các loại hình kinh doanh và ngành nghề phi tài chính thực hiện nhằm ngăn ngừa hoạt động rửa tiền và tài trợ khủng bố” được nêu trong trong 40+9 khuyến nghị về chống rửa tiền và tài trợ cho khủng bố của Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền FATF [7].

***Thứ hai,** hành vi “sử dụng tiền hoặc tài sản khác biết rõ là do phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác”.*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC thì:

Sử dụng tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có vào việc tiến hành các hoạt động kinh doanh hoặc hoạt động khác là việc dùng tiền, tài sản đó vào các hoạt động kinh doanh, dịch vụ, thành lập công ty, xây dựng trường học, bệnh viện, mua tài sản dưới các hình thức khác nhau hoặc sử dụng dưới danh nghĩa tài trợ, từ thiện, viện trợ nhân đạo [1, Điều 3, khoản 2].

Sau hai giai đoạn đầu tiên, ở giai đoạn thứ ba này, đưa tiền bản vào kinh doanh là lựa chọn hàng đầu cho các biện pháp rửa tiền. Tiền bản đã “bước ra” từ các giao dịch tài chính, ngân hàng, xuất hiện dưới vỏ bọc hợp pháp đầu tiên để tiếp tục tham gia vào hoạt động kinh doanh thực tế ngoài thị trường, chuyển đổi thành các tài sản hữu hình. Điều này đồng nghĩa là lúc này tiền bản đã ngang nhiên tồn tại trên thị trường, vỏ bọc hợp pháp đã phát triển hoàn thiện. Bằng các cách thức khác nhau, hoạt động kinh doanh đem lại lợi nhuận thực tế hoặc lợi nhuận khổng lồ sẽ là vỏ bọc hợp pháp nhất cho tiền bản. Người phạm tội có thể thành lập doanh nghiệp, công ty, đầu tư dự án... những đối tượng này thường chỉ là vỏ bọc rỗng ruột hoặc hoạt động không hiệu quả nhưng lại được báo cáo là hoạt động có lãi. Tiền lãi ở đây chính là tiền bản. Để hợp pháp hóa tiền bản bằng cách này, tội phạm thường chọn những lĩnh vực được đánh giá là lợi nhuận cao, đang chiếm ưu thế trên thị trường để dễ dàng qua mắt các cơ quan chức năng. Ngoài ra, tội phạm còn mua cổ phần của các công ty, doanh nghiệp chân chính đang làm ăn có lãi để trộn tiền bản vào tiền sạch, thu lợi nhuận và tiến tới nắm quyền kiểm soát, chi phối doanh nghiệp với số cổ phần ngày một tăng, mua hàng xa xỉ, bất động sản...

+ **Thứ ba**, hành vi “*che giấu thông tin về nguồn gốc, bản chất thực sự, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu đối với tiền, tài sản biết rõ là do phạm tội mà có hoặc cản trở việc xác minh các thông tin đó*”.

Hành vi này không tác động trực tiếp lên tiền, tài sản bản mà mang tính hỗ trợ để các hoạt động rửa tiền được tiến hành thuận lợi. Nhóm hành vi này bao gồm các hành vi giấu diếm, cung cấp thông tin sai sự thật hoặc gây khó khăn, cản trở công tác điều tra làm rõ nguồn gốc, bản chất, vị trí, quá trình di chuyển hoặc quyền sở hữu tiền, tài sản. Đó là các hành vi tiêu hủy giấy tờ tài liệu bất lợi, lập các giấy tờ tài liệu khác sai sự thật, làm chệch hướng quá trình theo dõi, điều tra của cơ quan chức năng... Mặc dù không phải là nhóm hành vi tác động trực tiếp lên tiền, tài sản bản nhưng những hành vi này nguy hiểm không kém hai nhóm hành vi trước vì vai trò của thông tin về tiền, tài sản bản là rất quan trọng trong quá trình theo dõi, phát hiện và điều tra tội phạm.

Thứ tư, nhóm hành vi “*thực hiện một trong các hành vi quy định tại các điểm a, b và c khoản này đối với tiền, tài sản biết rõ là có được từ việc chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi tiền, tài sản do phạm tội mà có*”.

Trường hợp này bao gồm cả ba dạng hành vi đã được phân tích ở trên, tuy nhiên đối tượng tác động của nhóm hành vi này là tiền, tài sản mới, xuất hiện sau khi có hành vi chuyển dịch, chuyển nhượng, chuyển đổi từ tiền, tài sản bất hợp pháp ban đầu. Đây thực chất là hành vi rửa tiền kế tiếp sau những hành vi rửa tiền đầu tiên, khi tiền, tài sản bản đã qua lớp xử lý ban đầu, đã có vỏ bọc hợp pháp ban đầu nay lại tiếp tục quá trình thay hình đổi dạng trên con đường tìm kiếm vỏ bọc hợp pháp hoàn hảo cho mình. Bản chất tiền, tài sản này vẫn là bất hợp pháp, các hành vi ban đầu không làm thay đổi bản chất của chúng và người thực hiện các hành vi tác động lên tiền, tài sản thuộc “thể hệ thứ ba” này đã thực hiện hành vi rửa tiền theo đúng nghĩa của nó.

Như vậy, BLHS Việt Nam năm 1999 qui định 4 dạng hành vi khách quan của tội rửa tiền ở mức độ khái quát. Quy định này cơ bản phù hợp với yêu cầu về việc thu tóm các dạng hành vi, không sa vào trạng thái liệt kê không hết các hành vi cụ thể do đó có thể dẫn tới bỏ lọt tội phạm. Tuy nhiên, nếu chỉ khái quát bốn nhóm hành vi như vậy vẫn chưa bao quát hết các dạng hành vi rửa tiền do tính chất phức tạp, đa dạng của hành vi rửa tiền, đặc biệt khi nền kinh tế càng ngày càng phát triển, trình độ khoa học kỹ thuật, trình độ nhận thức càng ngày càng nâng cao thì sự xuất hiện những hành vi, cách thức rửa tiền mới là khó lường hết được do đó cần có thêm quy định khái quát chung về hành vi rửa tiền để bao quát toàn bộ, tránh bỏ lọt tội phạm do chưa có chế tài quy định.

Một điểm cần lưu ý theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật phòng, chống rửa tiền thì ngoài bốn nhóm hành vi được quy định trong BLHS như đã nêu trên thì còn có hai hành vi khác là “trợ giúp cho tổ chức, cá nhân có liên quan đến tội phạm nhằm trốn tránh trách nhiệm pháp lý bằng việc hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có” và hành vi “chiếm hữu tài sản nếu tại thời điểm nhận tài sản đã biết rõ tài sản đó do phạm tội mà có, nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản” [32]. Hành vi thứ nhất là hành vi mang tính giúp sức, hỗ trợ như lập giấy tờ giả chứng minh nguồn gốc tài sản... còn hành vi thứ hai là nắm giữ, quản lý tài sản do phạm tội mà có. Theo quy định tại Luật phòng, chống rửa tiền thì hai hành vi này là hành vi rửa tiền. Tuy nhiên đối chiếu với quy định tại BLHS thì hai hành vi này tương đồng với hành vi “chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại Điều 250 [31]. Mặt khác, quy định này thể hiện là Điều 251 BLHS năm 1999 chưa mô tả hết các hành vi khách quan của tội rửa tiền. Đây là vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu để tiến tới xây dựng một quy phạm tội rửa tiền hoàn chỉnh trong BLHS Việt Nam.

1.1.3. Mặt chủ quan của tội rửa tiền

“Mặt chủ quan của tội phạm là hoạt động tâm lí diễn ra bên trong người phạm tội. Mặt chủ quan của tội phạm bao gồm: lỗi, mục đích, động cơ phạm tội” [38, tr.125].

Xét về lỗi, khi mô tả các nhóm hành vi rửa tiền, nhà làm luật đều sử dụng cụm từ “biết rõ là do phạm tội mà có”. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC thì “biết rõ tài sản là do người khác phạm tội mà có là có căn cứ chứng minh biết được tài sản có được trực tiếp từ người thực hiện hành vi phạm tội hoặc có được từ việc mua bán, đổi chác bằng tài sản có được trực tiếp từ người thực hiện hành vi phạm tội” [1, Điều 1, khoản 2]. Ngoài ra, ở điểm a khoản 1 Điều 251 BLHS năm 1999 còn có thêm cụm từ “nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản đó”. Như vậy, khi nhận thức được rằng nguồn gốc của tiền, tài sản là phi pháp mà vẫn thực hiện các hành vi tác động vào số tiền, tài sản đó, người thực hiện hành vi đã thể hiện thái độ tâm lý cố ý, do đó, lỗi của tội phạm rửa tiền là lỗi cố ý. Người phạm tội đã nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật, gây khó khăn, phức tạp cho công tác điều tra, xử lý tội phạm nguồn, xâm hại vào việc quản lý tài sản phạm pháp của Nhà nước. Với tư cách công dân, bất kể người nào khi đã đạt đến tầm nhận thức nhất định đều hiểu rằng tiền, tài sản có được từ bất kể hành vi phạm tội nào đều là bất hợp pháp, đều cần bị xử lý trước pháp luật, và việc tiếp tay che giấu đều là phạm pháp, nhưng người phạm tội vẫn tiếp nhận và tham gia vào quá trình xử lý hoặc che giấu nhằm tạo vỏ bọc hợp pháp cho khối tiền, tài sản đó. Điều này đồng nghĩa với việc người phạm tội đã thực hiện tội phạm với lỗi cố ý mà ở đây bao gồm cả hình thức lỗi cố ý trực tiếp và gián tiếp. Ở lỗi cố ý này lại thể hiện hai trạng thái lỗi của người rửa tiền, thứ nhất, người phạm tội đã không tổ giác hành vi phạm tội trước đó (nếu người rửa tiền không phải là người

thực hiện tội phạm ban đầu), thứ hai, người rửa tiền còn tiếp tục thực hiện tội phạm mới nhằm tiếp tay cho tội phạm ban đầu, che đậy nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản, tạo vỏ bọc hợp pháp cho tiền, tài sản đó để tội phạm nguồn có thể lẩn tránh sự trừng phạt của pháp luật.

Tuy nhiên cần lưu ý, người phạm tội “biết rõ” tài sản là bất hợp pháp, do phạm tội mà có, nhưng không bắt buộc người phạm tội phải biết rõ, chính xác nguồn gốc của tiền, tài sản là có được từ tội phạm gì, do ai thực hiện ở đâu, lúc nào... Ở đây khái niệm “biết rõ” chỉ nhằm phản ánh tình trạng nhận thức của người phạm tội nhận biết tài sản mình đang tác động đến là tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp, cần phải bị xử lý theo quy định của pháp luật và việc mình đang làm sẽ gây khó khăn cho công tác phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm, nhằm phân biệt với trường hợp không biết nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản mà thôi.

Tuy nhiên, người viết thấy rằng, trước những hậu quả nghiêm trọng mà tội phạm rửa tiền gây ra, yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm này càng ngày càng được nâng cao. Nếu chỉ buộc tội những trường hợp cố ý phạm tội, chúng ta có thể phải trả giá cho những hành động cầu thả khi một người hoàn toàn có thể nhận thức được những biểu hiện rõ ràng cho thấy số tiền, tài sản mà mình sắp hoặc đang tác động vào có bản chất phi pháp nhưng đã bỏ qua điều này. Đây là trường hợp vô ý phạm tội do cầu thả, một tình trạng rất nguy hiểm nếu như số lượng tiền, tài sản bất hợp pháp là rất lớn. Sự cầu thả này dẫn đến sự trót lọt trong việc rửa tiền của tội phạm, gây ra những hậu quả nặng nề cho xã hội. Do đó, cần xem xét trường hợp lỗi này để có biện pháp xử lý thỏa đáng, nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi công dân trong công cuộc phòng chống tội phạm nói chung và tội phạm rửa tiền nói riêng.

Xét về động cơ phạm tội, đây không phải là dấu hiệu pháp lý bắt buộc được quy định tại Điều 251 BLHS năm 1999 nhưng việc xem xét động cơ sẽ

làm sáng tỏ thêm hoạt động tâm lý của người phạm tội. Đối với tội phạm rửa tiền, động cơ phạm tội rất phong phú, phổ biến nhất là động cơ vụ lợi, nếu là người đã thực hiện hành vi phạm tội trước đó, việc rửa tiền sẽ giúp hợp pháp hoá số tiền, tài sản đó để việc quản lý, tiêu dùng được thuận lợi, dễ dàng, thậm chí là tiếp tục sinh lợi dưới vỏ bọc hợp pháp; nếu chỉ là người rửa tiền đơn thuần, người phạm tội sẽ được hưởng lợi ích vật chất hoặc tinh thần từ hành vi rửa tiền như được tiền thưởng, tiền ăn chia phần trăm, được trợ giúp, tạo thuận lợi trong các hoạt động nghề nghiệp, cuộc sống, kinh doanh... Lợi ích tinh thần có thể kể ra như việc rửa tiền giúp người có quan hệ tình cảm, người có công ơn với mình... Ngoài ra phải kể đến động cơ khác như nể nang, giúp đỡ, bị đe dọa nên lo sợ ảnh hưởng đến tính mạng, sức khỏe... Thực tế con số thống kê của Lực lượng đặc nhiệm tài chính FATF thì chi phí cho hoạt động rửa tiền ngày càng tăng, những năm 60 - 70 là khoảng 10%, những năm 80-90 là khoảng 20% thì đến thế kỷ 21 đã tăng lên khoảng 30%, cá biệt có những trường hợp tội phạm nguồn chiếm đến 50% giá trị tài sản được rửa [42]. Điều đó đồng nghĩa với thu nhập của người rửa tiền càng ngày càng cao và do đó sức hút từ rửa tiền ngày càng tăng càng dẫn đến nguy cơ tội phạm rửa tiền phát triển nhanh chóng.

Xét về mục đích phạm tội, mục đích của người phạm tội khi thực hiện hành vi khách quan nói trên là “nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản” do phạm tội mà có. Đúng như tên gọi của tội phạm, mục đích cuối cùng của tội phạm là “rửa” những đồng tiền bẩn thành tiền sạch, trang bị cho tiền, tài sản “bẩn” vỏ bọc sạch sẽ, hợp pháp để tồn tại công khai trong đời sống xã hội. Dù sử dụng phương pháp, cách thức nào để phạm tội, dù là một mình phạm tội hay là một mắt xích trong đường dây tội phạm thì người phạm tội cũng hướng đến mục đích này.

1.1.4. Chủ thể của tội rửa tiền

Về đặc điểm chung, xuất phát từ khái niệm chủ thể của tội phạm, xác định chủ thể của tội rửa tiền là người có năng lực trách nhiệm hình sự, đạt độ tuổi luật định và đã thực hiện hành vi phạm tội rửa tiền được quy định tại Điều 251 BLHS năm 1999. Cụ thể hơn đó là người có năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi trong quá trình thực hiện hành vi rửa tiền, đạt độ tuổi từ đủ 16 tuổi trở lên, riêng đối với khoản 2 và khoản 3 Điều 251 thì chủ thể là người từ đủ 14 tuổi trở lên.

Về phân loại, chủ thể được mô tả là người đã thực hiện bốn nhóm hành vi quy định tại Điều 251 với ý thức là “biết rõ” tiền, tài sản là do phạm tội mà có. Cụm từ “biết rõ” diễn tả sự nhận thức đầy đủ, rõ ràng của người thực hiện hành vi rửa tiền về nguồn gốc của tiền, tài sản mình đang rửa. Tuy nhiên, do Điều 251 không xác định rõ mà chỉ quy định là người “biết rõ” nên đã có những tranh cãi về chủ thể của tội rửa tiền. Có quan điểm cho rằng chủ thể chỉ bao gồm những người thực hiện hành vi rửa tiền mà không thực hiện tội phạm nguồn, quan điểm khác cho rằng chủ thể bao gồm cả hai, người có và người không thực hiện tội phạm nguồn [24]. Theo tác giả thì quan điểm thứ hai là chính xác vì cụm từ “biết rõ” phản ánh bản chất nhận thức của người phạm tội dù đó là người thực hiện hay không thực hiện tội phạm nguồn, nhằm phân biệt với nhóm “không biết” nguồn gốc tiền, tài sản nhưng vẫn thực hiện các hành vi tương tự như hành vi rửa tiền thì nhóm này không phải là chủ thể của tội phạm. Ngoài ra, việc xác định chủ thể gồm cả người đã thực hiện hành vi tội phạm nguồn là phù hợp vì nó đảm bảo nguyên tắc công bằng về trách nhiệm hình sự. Về mặt lý luận, tội phạm hoàn thành khi đã thể hiện đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm được quy định trong BLHS và ngay khi tội phạm hoàn thành thì trách nhiệm hình sự của người phạm tội đã hình thành đầy đủ. Hành vi tội phạm phát sinh sau đó phải chịu trách nhiệm hình sự riêng

biệt theo cấu thành tội đó, độc lập với tội phạm ban đầu. Không thể đánh đồng trách nhiệm hình sự của hai người là giống nhau trong khi một người chỉ thực hiện tội phạm nguồn, còn người kia thực hiện cả tội phạm nguồn và hành vi rửa tiền. Trước đây, chúng ta chỉ xử lý người phạm tội với tội danh ban đầu họ thực hiện chứ không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với hành vi tẩu tán, tiêu thụ tài sản, mặc dù hành vi đó mang bản chất là rửa tiền. Tuy nhiên sự phát triển của các tổ chức tội phạm hiện nay cho thấy hành vi tự rửa tiền không chỉ giới hạn trong mục đích là che giấu, tiêu thụ tài sản đã chiếm đoạt được, mà còn tiềm ẩn nhiều mối nguy hại khác. Số tiền, tài sản chiếm đoạt được từ các hành vi phạm tội ngày càng khổng lồ và nếu số tiền, tài sản này thâm nhập vào hệ thống tài chính thì hệ quả là cực kỳ nghiêm trọng. Đối với trường hợp tự rửa tiền, có ý kiến cho rằng hình phạt của tội phạm nguồn đã rất nghiêm khắc, thậm chí có tội còn bị tử hình, do đó không cần thiết phải truy tố một hành vi có mức độ nguy hiểm thấp hơn là hành vi rửa tiền [23]. Đây là quan điểm không chính xác vì nó không phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của BLHS, đặc biệt là nguyên tắc “mọi hành vi phạm tội phải được phát hiện kịp thời, xử lý nhanh chóng, công minh theo đúng pháp luật”. Thứ hai là xuất phát từ lợi ích quốc gia và yêu cầu của hoạt động hợp tác quốc tế trong đấu tranh chống rửa tiền. Hiện nay, hình thức tội phạm rửa tiền có tổ chức, hoạt động xuyên quốc gia ngày càng phát triển, do đó, không phải lúc nào tội phạm nguồn và tội phạm rửa tiền cũng xảy ra và kết thúc trên lãnh thổ một quốc gia. Nếu loại trừ người thực hiện tội phạm nguồn ra khỏi chủ thể của tội rửa tiền, thì trong trường hợp người đó thực hiện hành vi rửa tiền ở quốc gia khác nhưng lại rửa tiền ở nước ta thì lúc đó luật của chúng ta không đủ điều kiện để xử lý người phạm tội, đồng nghĩa với ta không có tư cách tham gia vào quá trình kiểm soát, quản lý tài sản bị tịch thu từ đối tượng phạm tội và điều này là bất lợi trong việc bảo vệ lợi ích quốc gia.

Trên thực tế, hầu hết việc rửa tiền đều phải thực hiện qua pháp nhân. Tuy nhiên, BLHS Việt Nam không quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối với hành vi rửa tiền nên chủ thể của tội rửa tiền chỉ duy nhất là cá nhân có các đặc điểm như đã nêu trên. Phân loại theo vai trò, chủ thể của tội rửa tiền có thể là người tham gia trong một tổ chức được lập ra để thực hiện việc rửa tiền, có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, gồm các vai trò khác nhau như chủ mưu, cầm đầu, tổ chức hoặc người thực hành, giúp sức, xúi giục. Phân loại theo đặc điểm, chủ thể của tội rửa tiền có thể là người có chức vụ, quyền hạn, chuyên môn để hành động trực tiếp hoặc gây ảnh hưởng với người khác để thực hiện việc rửa tiền. Cá nhân này có thể ít nhiều hưởng lợi ích vật chất hoặc vì một mục đích phi vật chất nào đó mà tham gia vào quá trình rửa tiền ví dụ như vì nể nang, giúp đỡ, trả ơn, vì bị đe dọa... Kinh tế xã hội càng phát triển thì trình độ của các cá nhân này càng cao để thích ứng. Đồng thời, cũng do sự phát triển của kinh tế xã hội mà sự tham gia của các chủ thể rửa tiền dưới hình thức đồng phạm cũng ngày càng phát triển để tránh sự phát hiện dễ dàng của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Trong BLHS năm 1999, có một tội danh nữa có cùng đối tượng tác động với “Tội rửa tiền” là “Tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại Điều 250. Trên diễn đàn khoa học luật hình sự, có ý kiến cho rằng nên hợp nhất Điều 250 và Điều 251 thành một tội rửa tiền bởi vì về bản chất, hành vi phạm tội được quy định tại Điều 250 là hành vi rửa tiền [15, tr.20]. Người viết đồng ý với quan điểm này vì khoản 1 Điều 4 Luật phòng, chống rửa tiền xác định hành vi rửa tiền ngoài hành vi được quy định trong BLHS còn có hai hành vi tương đồng với hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có mà người viết đã đề cập ở phần mặt khách quan của tội rửa tiền, ngoài ra hành vi tại Điều 250 BLHS Việt Nam 1999 đã được mô tả trong các nhóm hành vi rửa tiền mà Công ước

Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000 (sau đây gọi tắt là Công ước Palermo) quy định (Công ước Viên 1988 cũng quy định về hai nhóm hành vi này với nội dung tương tự tại các mục b (i) và c (i)), đó là nhóm hành vi:

a) (i) Chuyển đổi hoặc chuyển nhượng tài sản mà biết rõ là tài sản do phạm tội mà có với mục đích che giấu hoặc ngụy trang nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản hoặc giúp đỡ bất kỳ người nào liên quan đến việc thực hiện một tội phạm nguồn lẩn tránh những hậu quả pháp lý do hành vi của người đó gây ra...

b) (i) Nhóm hành vi sở hữu, chiếm hữu hoặc sử dụng tài sản mà vào thời điểm nhận người đó biết rõ rằng tài sản này là do phạm tội mà có [19].

Có thể thấy hành vi “chứa chấp” nằm trong nhóm b của Công ước, hành vi “tiêu thụ” nằm trong nhóm a của Công ước. Các hành vi này đều nhằm thay đổi hình thức pháp lý của tiền, tài sản, tìm cách che đậy nguồn gốc bất hợp pháp thành hợp pháp để tạo thuận lợi cho việc sử dụng tài sản, đặc biệt là hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có được quy định tại Điều 250 có đầy đủ đặc điểm của hành vi rửa tiền. Do vậy, việc BLHS hiện hành tách tội rửa tiền với tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do phạm tội mà có và qui định tại 2 điều luật độc lập là chưa phù hợp với bản chất của hành vi và các chuẩn mực quốc tế.

1.2. Đường lối xử lý của tội rửa tiền theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999

1.2.1. Khoản 1 Điều 251

Theo quy định tại khoản 1 Điều 251 thì “*người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây thì bị phạt tù từ một năm đến năm năm...*” (các hành vi đã được liệt kê và phân tích ở trên).

Khoản 1 Điều 251 quy định cấu thành tội phạm cơ bản của tội rửa tiền. Với việc thực hiện bốn nhóm hành vi được mô tả trong khoản 1, người phạm tội đã thực hiện tội rửa tiền. Trong trường hợp này, người phạm tội đã thực hiện một tội nghiêm trọng và bị xử lý bằng chế tài nghiêm khắc của BLHS là hình phạt tù có thời hạn. Thực hiện một trong các hành vi được nêu tại khoản 1 mà không có thêm các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự định khung được nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều 251, người phạm tội sẽ bị xem xét áp dụng các tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 48 và các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 46 BLHS nếu thoả mãn. Nếu có thêm các tình tiết giảm nhẹ khác được ghi nhận trong bản án (như bản thân có thành tích đặc biệt, gia đình có công với Cách mạng, đã sửa chữa, khắc phục hậu quả...) thì cũng được Tòa án xem xét khi quyết định hình phạt. Nếu như có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 46 BLHS thì người phạm tội còn có thể được áp dụng mức hình phạt dưới một năm tù (từ ba tháng đến dưới một năm) theo quy định tại Điều 47 BLHS. Khi người phạm tội rửa tiền theo khoản 1 Điều 251 BLHS là người từ 16 đến dưới 18 tuổi thì việc quyết định hình phạt còn phải xem xét thêm các quy định trong Chương X BLHS về những quy định đối với người chưa thành niên phạm tội.

1.2.2. Khoản 2 Điều 251

Khoản 2 Điều 251 quy định: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ ba năm đến mười năm:

- a) Có tổ chức;
- b) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn;
- c) Phạm tội nhiều lần;
- d) Có tính chất chuyên nghiệp;
- e) Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt;
- f) Tiền, tài sản phạm tội có giá trị lớn;

- g) Thu lợi bất chính lớn;
- h) Gây hậu quả nghiêm trọng;
- i) Tái phạm nguy hiểm.

- *Phạm tội có tổ chức*: theo quy định tại khoản 3 Điều 20 BLHS thì phạm tội có tổ chức là hình thức đồng phạm có sự cấu kết chặt chẽ giữa những người cùng thực hiện tội phạm. Trong trường hợp này, có từ hai người trở lên cố ý cùng bàn bạc, cấu kết chặt chẽ với nhau, vạch ra kế hoạch tỉ mỉ, chi tiết, phân công, sắp đặt vai trò của những người tham gia, trong đó mỗi người thực hiện một hoặc một số hành vi trong nhóm các hành vi được mô tả tại khoản 1 Điều 251 và chịu sự điều khiển thống nhất của người cầm đầu để thực hiện tội rửa tiền. Vai trò của mỗi người trong trường hợp phạm tội có tổ chức là khác nhau như có người tổ chức, người thực hành, người xúi giục, người giúp sức, một người có thể giữ nhiều vai trò khác nhau.

Người tổ chức là người chủ mưu, cầm đầu, chỉ huy việc thực hiện tội phạm. Đối với tội rửa tiền trong trường hợp phạm tội có tổ chức, vai trò của người tổ chức rất quan trọng vì các hoạt động rửa tiền rất phức tạp, đa dạng, đòi hỏi phải tính toán kỹ càng nhằm xóa mờ hay làm phức tạp dấu vết sau mỗi bước đi của tiền bẩn, thậm chí người tổ chức còn phải nắm vững quy định chuyên môn nghiệp vụ một số ngành nghề nhất định và quy định pháp luật. Do tính chất đặc biệt của việc rửa tiền thường không phải là những hành động tay chân đơn thuần và đơn lẻ của từng cá nhân mà là sự phối hợp nhịp nhàng của nhiều tổ chức, nhiều cá nhân, thường phải thực hiện thông qua hoạt động của pháp nhân, pháp nhân càng uy tín thì công tác giám sát, theo dõi càng cao do đó rửa tiền càng khó nhưng nếu thành công thì việc phát hiện dấu vết tiền bẩn cũng khó khăn hơn. Do đó, để việc rửa tiền trôi lọt đòi hỏi người tổ chức phải có trình độ, có đầu óc tính toán. Có thể nói hoạt động rửa tiền có thành công trôi lọt hay không vai trò của người tổ chức là quyết định. Vì thế không

ít người tổ chức tội phạm rửa tiền thuộc về giới “cổ cồn trắng” - giới trí thức có hiểu biết và chuyên môn sâu về nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội nhất là lĩnh vực chuyên môn tài chính, tin học. Người tổ chức thực hiện tội rửa tiền có thể có những hành vi như: khởi xướng việc phạm tội; vạch kế hoạch thực hiện tội phạm cũng như kế hoạch che giấu tội phạm; rủ rê, lôi kéo người khác cùng thực hiện tội phạm; phân công trách nhiệm cho những người đồng phạm khác để thống nhất thực hiện tội phạm; điều khiển hành động của những người đồng phạm; đôn đốc, thúc đẩy người đồng phạm khác thực hiện tội phạm...

Người thực hành là người trực tiếp thực hiện tội phạm, có hành vi thuộc bốn nhóm hành vi được quy định tại khoản 1 Điều 251 như thực hiện các giao dịch tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, các hoạt động kinh doanh, cất giấu các giấy tờ tài liệu liên quan... Ngoài ra còn có thể có người đồng phạm khác cũng tham gia rửa tiền như người xúi giục (là những người có vai trò kích động, dụ dỗ, thúc đẩy tội phạm được thực hiện), người giúp sức (là người hỗ trợ tạo điều kiện vật chất và tinh thần) cho việc thực hiện tội phạm.

Do tính chất nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với trường hợp đơn lẻ thực hiện hành vi rửa tiền nên nhà làm luật đã xếp trường hợp này vào khoản 2 Điều 251 với mức hình phạt cao hơn khoản 1. Cần lưu ý khi quyết định hình phạt trong trường hợp này Tòa án phải phân hóa vai trò của mỗi người phạm tội, căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và các quy định liên quan để xem xét quyết định hình phạt phù hợp với từng cá nhân cụ thể.

- *Lợi dụng chức vụ, quyền hạn*: đây là trường hợp chủ thể đặc biệt của tội rửa tiền. Theo quy định tại Điều 277 BLHS thì “người có chức vụ là người do bổ nhiệm, do bầu cử, do hợp đồng hoặc do một hình thức khác, có hưởng lương hoặc không hưởng lương, được giao thực hiện một công vụ nhất định

và có quyền hạn nhất định trong khi thực hiện công vụ”. Người thực hiện hành vi rửa tiền sử dụng những thuận lợi do chức vụ, quyền hạn của mình đem đến để thực hiện hành vi phạm tội hoặc dùng nó để ép buộc, dụ dỗ người khác phạm tội, điều mà người không có chức vụ quyền hạn khó có thể thực hiện được. Do đó, tính nguy hiểm của tội phạm tăng lên, tội phạm được hoàn thành nhanh hơn, gây khó khăn cho công tác điều tra, phát hiện tội phạm, gây ảnh hưởng xấu đến dư luận xã hội, làm giảm uy tín của nhà nước, tổ chức... Chính vì thế nhà làm luật đã đưa trường hợp này là một trong những tình tiết tăng nặng định khung hình phạt và xếp vào khoản 2 của Điều 251.

- *Phạm tội nhiều lần*: đây là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 48 BLHS, tuy nhiên trong Điều 251 tình tiết này xuất hiện với tính chất là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt. Theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC thì “phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 251 BLHS là trường hợp rửa tiền từ hai lần trở lên và trong các lần đó chưa có lần nào bị truy cứu trách nhiệm hình sự và chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự [1]. Tình tiết này thể hiện tính nguy hiểm của tội phạm khi có ít nhất hai lần qua mặt pháp luật, thực hiện việc rửa tiền mà nếu không bị phát hiện và ngăn chặn thì việc người phạm tội tiếp tục thực hiện những lần phạm tội khác là hoàn toàn có thể xảy ra và như vậy mức độ nguy hiểm sẽ còn tăng cao hơn nữa.

- *Có tính chất chuyên nghiệp*: theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC thì:

Chỉ áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp khi có đủ các điều kiện: có từ 5 lần trở lên thực hiện hành vi rửa tiền, không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa, nếu chưa hết

thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xóa án tích; người phạm tội không có nghề nghiệp hoặc lấy tài sản thu nhập bất chính do phạm tội mà có làm nguồn sống chính [1, Điều 3, khoản 4].

Như vậy tình tiết này phân biệt với tình tiết “phạm tội nhiều lần” là ở số lần phạm tội (năm lần trở lên) và đặc điểm nhân thân người phạm tội (không có nghề nghiệp hoặc lấy thu nhập từ việc phạm tội làm nguồn sống chính). Đây chính là chi tiết thể hiện tính chuyên nghiệp của tội phạm. Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp nguy hiểm hơn phạm tội nhiều lần vì người phạm tội đã thực hiện tội phạm nhiều lần (năm lần), gây hại ở cấp độ cao và thể hiện thái độ coi thường pháp luật của người phạm tội. Do đó cần xử lý nghiêm minh với mức hình phạt nặng hơn hành vi phạm tội đơn lẻ thông thường.

- *Dùng thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt*: nếu như ở điểm m khoản 1 Điều 48 BLHS có tình tiết “dùng thủ đoạn xảo quyệt, tàn ác phạm tội” thì trong khoản 2 Điều 251, để phù hợp với bản chất của hành vi rửa tiền, nhà làm luật đã quy định về thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt. Đó là việc người phạm tội có những cách thức, mảnh khoe, phương pháp gian dối một cách thâm hiểm, khó phát hiện, gây khó khăn cho công tác điều tra tội phạm. Chính vì thế mà tình tiết này đã làm tăng tính nguy hiểm của tội phạm so với khoản 1 Điều 251.

- *Tiền, tài sản phạm tội có giá trị lớn, thu lợi bất chính lớn, gây hậu quả nghiêm trọng*: theo quy định tại khoản 5, 6 và 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC thì:

“Tiền, tài sản có giá trị lớn” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 251 BLHS là tiền, tài sản phạm tội có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng; “thu lợi bất chính lớn” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 251 BLHS là thu lợi có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới một trăm triệu đồng; “gây hậu quả nghiêm trọng” quy định tại điểm h khoản 2 Điều 251 BLHS là gây thiệt hại có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng [1].

- *Tái phạm nguy hiểm*: theo quy định tại khoản 2 Điều 49 BLHS năm 1999 thì tái phạm nguy hiểm gồm hai trường hợp: đã bị kết án về tội rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng do cố ý, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội rất nghiêm trọng, tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý và đã tái phạm, chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý.

1.2.3. Khoản 3 Điều 251

Trong khoản 1 và khoản 2, từ cấu thành tội phạm cơ bản đến cấu thành tăng nặng cơ bản đã được mô tả đầy đủ, tuy nhiên trong những trường hợp hành vi phạm tội và hậu quả mà nó gây ra ở cấp độ cao hơn thì vẫn cần phải có chế tài riêng phù hợp với tính chất nguy hiểm cấp độ cao của hành vi. Do đó, quy định về mức hình phạt từ tám năm đến mười lăm năm tù quy định tại khoản 3 Điều 251 là cần thiết, phù hợp với thực tiễn. Theo quy định tại điểm 6, 8 và 10 Điều 3 Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN - VKSNDTC-TANDTC thì:

Tiền, tài sản phạm tội có giá trị rất lớn hoặc đặc biệt lớn” là tiền, tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên; “thu lợi bất chính rất lớn hoặc đặc biệt lớn” là thu lợi có giá trị từ một trăm triệu đồng trở lên; “gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” là gây thiệt hại có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên [1, Điều 3].

Có thể thấy các khung hình phạt trong tội rửa tiền nước ta là khá cao. Tuy nhiên điều này hoàn toàn tương xứng với hậu quả nghiêm trọng mà tội phạm rửa tiền gây ra. Đứng trước những tác hại nghiêm trọng của tội phạm rửa tiền đối với nền kinh tế, tài chính quốc gia, trước nguy cơ hoạt động rửa tiền ngày càng gia tăng cấp độ, quy mô, sự tinh vi, xảo quyệt, sự nghiêm khắc của chế tài tội rửa tiền thể hiện đường lối đấu tranh mạnh mẽ của Đảng và Nhà nước ta, không chỉ trừng trị tội phạm mà còn có ý nghĩa cảnh báo, giáo dục, ngăn ngừa tội phạm xảy ra.

Do đó, ngoài các hình phạt chính nêu trên, tại khoản 4 Điều 251 còn quy định hình phạt bổ sung “người phạm tội có thể bị tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, phạt tiền đến ba lần số tiền hoặc giá trị tài sản phạm tội, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm”. Hình phạt bổ sung được quy định khá đa dạng gồm cả phạt tiền, tịch thu tài sản và cấm đảm nhiệm chức vụ. Điều này phù hợp với tính chất của tội phạm rửa tiền là có thể liên quan đến chức vụ, công việc của một số ngành nghề chuyên môn nhất định. Các khung hình phạt bổ sung cũng khá rộng, đảm bảo cho Thẩm phán xét xử có thể lựa chọn mức phạt phù hợp từng trường hợp cụ thể.

Ngoài ra, tại khoản 11 Điều 3 Thông tư số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC nêu rõ:

Khi áp dụng các tình tiết gây hậu quả nghiêm trọng, rất nghiêm trọng, đặc biệt nghiêm trọng cần xác định hậu quả thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra nằm ngoài giá trị tài sản do phạm tội mà có. Ngoài hậu quả là thiệt hại về tài sản thì tội rửa tiền có thể còn có hậu quả khác ảnh hưởng xấu đến việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, gây ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đến an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ quốc gia và các hậu quả phi vật chất khác. Theo đó, phải tùy vào từng trường hợp cụ thể để đánh giá mức độ của hậu quả do tội phạm gây ra là nghiêm trọng, rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng [1, Điều 3, khoản 11].

Đây là đường lối xử lý tội phạm riêng của tội rửa tiền, nhưng thể hiện sự đánh giá toàn diện, thể hiện cái nhìn nhiều chiều về tội phạm, góp phần làm cho người phạm tội tâm phục khẩu phục và có ý nghĩa giáo dục với những người khác.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật phòng chống rửa tiền thì rửa tiền là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có. Như vậy, bên cạnh chủ thể cá nhân thì tổ chức, trong đó có pháp nhân cũng cần bị xử lý trách nhiệm. Theo mục b khuyến nghị 2 của bản 40+9 khuyến nghị của FATF thì:

Trách nhiệm hình sự và khi điều này không được áp dụng thì trách nhiệm dân sự hoặc hành chính, sẽ áp dụng đối với các pháp nhân... Pháp nhân cần phải chịu các hình phạt có hiệu quả, tương xứng và có tính răn đe. Các biện pháp đó cần áp dụng mà không ảnh hưởng gì đến trách nhiệm hình sự cá nhân [7, Điều 4, khoản 1].

Tuy nhiên, ngoài quy định về việc bị xử phạt vi phạm hành chính tại Điều 24 Nghị định số 74/2005/NĐ-CP ngày 07/6/2005 của Chính phủ về phòng chống rửa tiền đã hết hiệu lực từ ngày 10/10/2013 do bị thay thế bởi Nghị định 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền thì hiện nay không có bất cứ một chế tài nào liên quan đến trách nhiệm của pháp nhân trong việc rửa tiền. Đây là một thiếu sót lớn của hệ thống pháp luật, không chỉ buông lỏng việc xử lý trách nhiệm pháp nhân vi phạm pháp luật mà còn không phù hợp với các quy định quốc tế hiện hành.

Qua nội dung phân tích ở trên, có thể thấy, quy định tại Điều 251 BLHS năm 1999 về tội rửa tiền đã thể hiện được những điểm pháp lý cơ bản liên quan đến hành vi rửa tiền, tuy nhiên, qui định này còn tồn tại một số bất cập, cụ thể là:

Thứ nhất, việc xếp tội rửa tiền nằm trong chương “các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng” chưa phản ánh quan hệ xã hội mà tội phạm này xâm hại trước tiên và nghiêm trọng nhất là trên lĩnh vực kinh tế. Đây là khách thể gần nhất, trực tiếp nhất của tội phạm, hiểu rộng ra mới là sự xâm

hại đến các quan hệ xã hội về an toàn công cộng, trật tự công cộng. Việc sắp xếp phù hợp theo nhóm khách thể bị tội phạm xâm hại liên quan đến nhận thức tầm quan trọng của công tác phòng chống tội phạm, đến các chính sách đấu tranh phòng chống tội phạm trên nhiều lĩnh vực khác của Nhà nước do đó cần nghiên cứu để sắp xếp tội rửa tiền cho phù hợp hơn.

Thứ hai, Điều 251 BLHS năm 1999 chưa quy định rõ chủ thể thực hiện tội rửa tiền bao hàm cả người phạm tội nguồn hay chỉ là người thực hiện hành vi rửa tiền.

Thứ ba, trong BLHS năm 1999, nhà làm luật chưa hợp nhất Điều 250 và Điều 251 thành một tội danh - tội rửa tiền mà để dưới dạng hai tội danh độc lập. Như trên đã phân tích, hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo qui định của Công ước Palermo 2000 và Công ước Viên 1988 là một dạng của hành vi rửa tiền. Do đó, việc quy định hai tội danh độc lập như trên là không phù hợp với chuẩn mực quốc tế.

Thứ tư, theo quy định tại Điều 251 thì xác định lỗi của người phạm tội là cố ý. Người phạm tội cố tình thực hiện hành vi với mục đích che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản. Tuy nhiên, trong môi trường kinh tế - xã hội hiện nay, nếu một người thực hiện hành vi tác động vào khối tiền, tài sản bản, cung cấp vỏ bọc hợp pháp cho tiền, tài sản mà không biết rằng đó là tiền, tài sản có nguồn gốc phi pháp mặc dù có những dấu hiệu để có thể nhận biết thì trong trường hợp này cần xác định tội phạm với lỗi vô ý nhằm nâng cao ý thức bảo vệ pháp luật, phòng chống tội phạm của toàn dân, nâng cao trách nhiệm của công dân trong việc bảo vệ trật tự an toàn xã hội, trật tự lành mạnh của nền kinh tế, hạn chế đến mức thấp nhất những hậu quả nghiêm trọng do hoạt động rửa tiền gây ra.

Thứ năm, việc mô tả hành vi khách quan theo qui định của Điều 251 là chưa đầy đủ. Hiện nay tại khoản 1 Điều 4 Luật phòng, chống rửa tiền định nghĩa rửa tiền gồm:

a) Hành vi được quy định trong BLHS; b) Trợ giúp cho tổ chức, cá nhân có liên quan đến tội phạm nhằm trốn tránh trách nhiệm pháp lý bằng việc hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản do phạm tội mà có; c) Chiếm hữu tài sản nếu tại thời điểm nhận tài sản đã biết rõ tài sản đó do phạm tội mà có, nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc tài sản.

Như vậy, quy định tại khoản 1 Điều 251 chưa bao quát hết các hành vi rửa tiền.

Thứ sáu, Điều 251 cũng chưa quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối với trường hợp để xảy ra hành vi rửa tiền trong quá trình hoạt động của pháp nhân. Do tầm quan trọng của pháp nhân trong quá trình rửa tiền cũng như tính nguy hiểm mà tội phạm rửa tiền gây ra, pháp nhân cũng cần phải chịu trách nhiệm hình sự khi tham gia vào quá trình rửa tiền trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình. Trước đây chúng ta có một số chế tài hành chính đối với pháp nhân để xảy ra hành vi rửa tiền tuy nhiên kể từ ngày 10/10/2013 khi Nghị định 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2003 của Chính phủ có hiệu lực đến nay không có một quy định nào về bất kỳ trách nhiệm nào của pháp nhân liên quan đến tội rửa tiền. Đây là một lỗ hổng lớn của pháp luật, không phù hợp với qui định của chuẩn mực quốc tế về vấn đề này. Tuy nhiên, trong tương quan với tính nguy hiểm của tội phạm rửa tiền, chế tài hành chính không đủ sức răn đe, ngăn chặn mà cần có những chế tài mạnh hơn, cứng rắn hơn và chế tài hình sự đáp ứng được điều đó. Trước tình hình phát triển của tội phạm rửa tiền như hiện nay, bên cạnh chế tài dành cho thể nhân thì đã đến lúc cần phải có quy định về chế tài hình sự dành cho pháp nhân.

Thứ bảy, trong Điều 251, nhà làm luật sử dụng từ “tiền, tài sản” là chưa phù hợp với các văn bản pháp luật quốc tế và trong nước như các Công ước quốc tế, Bộ luật dân sự, Luật phòng, chống rửa tiền. Theo định nghĩa tại các

văn bản này thì từ “tài sản” đã bao hàm cả “tiền” trong đó. Do đó chỉ sử dụng từ “tài sản” là đủ.

Thứ tám, Điều 251 BLHS hiện hành chưa giải thích rõ các tình tiết “phạm tội nhiều lần”, “tiền, tài sản phạm tội có giá trị lớn, rất lớn, đặc biệt lớn, thu lợi bất chính lớn, rất lớn, đặc biệt lớn”. Điều này cũng gây khó khăn nhất định cho việc vận dụng các tình tiết này.

1.3. So sánh quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 với qui định của Bộ luật hình sự năm 2015 về tội rửa tiền

Do luận văn được viết vào thời điểm BLHS năm 2015 đã được Quốc hội khóa XIII thông qua ngày 27/11/2015 và chính thức có hiệu lực từ ngày 01/7/2016, do vậy, phần này tác giả sẽ trình bày về so sánh qui định của BLHS năm 1999 với qui định của BLHS năm 2015 về tội rửa tiền.

Nằm trong mục 4 “Các tội khác xâm phạm trật tự công cộng” thuộc chương XXI “Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng”, Điều 324 BLHS năm 2015 Tội rửa tiền vẫn giữ nguyên các quy định cơ bản về cấu thành tội phạm so với Điều 251 BLHS năm 1999 trước đây, chỉ thay thế cụm từ “biết rõ là do phạm tội mà có” thành “do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có”, sửa cụm từ “do phạm tội mà có” tại điểm d khoản 1 thành “do người khác thực hiện hành vi phạm tội mà có”, thay cụm từ “phạm tội nhiều lần” thành “phạm tội 02 lần trở lên”, xác định rõ giá trị tiền, tài sản phạm tội, thu lợi, phạt tiền, tại khoản 2 bỏ quy định “gây hậu quả nghiêm trọng”, tại khoản 3 thay thế quy định “gây hậu quả rất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng” bằng quy định “gây ảnh hưởng xấu đến an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ quốc gia”, bổ sung khoản 4 quy định: “Người chuẩn bị phạm tội này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm” và sửa đổi hình phạt tại khoản 2 là từ 5 năm đến 10 năm, tại khoản 3 là từ 10 đến 15 năm.

Tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có quy định tại Điều 323 BLHS năm 2015 cũng có một số thay đổi như thay đổi mức tiền phạt, xác định rõ giá trị tài sản, vật phạm pháp, thu lợi, tăng mức hình phạt tại khoản 2 là từ 3 năm đến 7 năm, tại khoản 3 là từ 7 năm đến 10 năm, tại khoản 4 là từ 10 đến 15 năm, sửa đổi quy định tại khoản 5 là người phạm tội chỉ bị phạt bổ sung bằng một trong hai hình thức phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản chứ không bị áp dụng hoặc đồng thời hai hình thức hoặc một trong hai như quy định tại Bộ luật hiện hành.

Như vậy, so sánh với BLHS năm 1999 thì BLHS năm 2015 đã có một số thay đổi, đã khắc phục được một số hạn chế của BLHS năm 1999 về tội rửa tiền, đó là:

Thứ nhất, BLHS năm 2015 đã diễn giải rõ từ “biết rõ” thành cụm từ “do mình phạm tội mà có hoặc biết hay có cơ sở để biết là do người khác phạm tội mà có” hay nói cách khác là BLHS năm 2015 đã xác định rõ chủ thể thực hiện tội rửa tiền bao gồm cả người thực hiện và không thực hiện tội phạm nguồn, ngoài ra theo quy định tại Điều 12 BLHS năm 2015 thì chủ thể của tội rửa tiền là người đủ 16 tuổi trở lên.

Thứ hai, Điều 324 đã giải thích rõ, cụ thể hóa bằng con số cụ thể các quy định “phạm tội nhiều lần”, “tiền, tài sản phạm tội có giá trị lớn, rất lớn, đặc biệt lớn, thu lợi bất chính lớn, rất lớn, đặc biệt lớn”.

Thứ ba, Điều 324 đã bổ sung quy định trường hợp chuẩn bị phạm tội vào ngay cuối điều luật.

Ngoài các điểm thay đổi tích cực trên đây, phần lớn các mặt hạn chế khác của quy định về tội rửa tiền trong BLHS năm 1999 mà tác giả đã chỉ ra ở phần trên vẫn chưa được khắc phục trong BLHS năm 2015. Nhà làm luật vẫn quy định tội rửa tiền thuộc nhóm các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng, vẫn tách riêng hai tội “chứa chấp và tiêu thụ tài sản do người khác

phạm tội mà có” và tội “rửa tiền”, chưa có quy định khái quát bao trùm mọi dạng hành vi rửa tiền, chưa quy định trường hợp phạm tội với lỗi vô ý do cẩu thả, vẫn sử dụng cụm từ “tiền, tài sản”... Một điểm cần lưu ý là trong BLHS năm 2015, lần đầu tiên xuất hiện quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại nhưng phạm vi các tội pháp nhân phải chịu TNHS lại không có tội rửa tiền. Điều này có nghĩa là nếu pháp nhân rửa tiền (thậm chí có thể với qui mô rất lớn hoặc đặc biệt lớn) thì vẫn không bị pháp luật hình sự “sờ gáy”. Theo quan điểm của tác giả, việc BLHS năm 2015 không qui định TNHS của pháp nhân đối với tội rửa tiền là một bất cập và có thể ảnh hưởng không nhỏ đến cuộc đấu tranh chống tội rửa tiền ở nước ta... Những hạn chế này đặt ra cho người viết nhiệm vụ phải tiếp tục nghiên cứu, tìm hiểu và đề xuất phương hướng hoàn thiện quy phạm pháp luật về tội rửa tiền trong BLHS Việt Nam.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Là một loại tội có tính phái sinh, chỉ xuất hiện sau một tội phạm khác nhưng không vì thế mà tính nghiêm trọng của tội rửa tiền giảm xuống mà ngược lại, nhằm che giấu tiền, tài sản bất hợp pháp, người phạm tội còn dùng mọi thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để thực hiện. Để đấu tranh phòng chống có hiệu quả tội phạm này, việc nghiên cứu, nắm vững lý luận về tội rửa tiền là hết sức cần thiết. Trong chương I, người viết đã đi sâu phân tích cấu thành tội rửa tiền theo quy định của BLHS năm 1999, BLHS năm 2015 và xem xét trong mối tương quan với tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có để tìm ra những điểm hạn chế của quy định tội rửa tiền tại BLHS năm 1999, những điểm tiến bộ của BLHS năm 2015 so với BLHS năm 1999 và những hạn chế cần tiếp tục được khắc phục của BLHS năm 2015. Trên cơ sở nhận thức được những vấn đề căn bản còn vướng mắc trong quy định về tội rửa tiền, chúng ta sẽ tiếp tục tìm hiểu, nghiên cứu nhằm khắc phục những vướng mắc này để tiến tới xác lập một quy phạm hoàn thiện về tội rửa tiền theo đúng chuẩn mực pháp lý quốc gia và quốc tế. Trong những cách thức nghiên cứu, người viết chọn phương pháp so sánh với pháp luật một số quốc gia trên thế giới để rút ra những bài học kinh nghiệm lập pháp có thể áp dụng vào pháp luật Việt Nam về tội rửa tiền. Đó là những nội dung chính của chương 2 và chương 3 sẽ được trình bày dưới đây.

Chương 2

SO SÁNH QUY ĐỊNH VỀ TỘI RỬA TIỀN THEO QUI ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN HÀNH (BLHS NĂM 1999) VỚI QUY ĐỊNH TƯƠNG ỨNG CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA THUỘC HỆ THỐNG LUẬT THÀNH VĂN VÀ HỆ THỐNG ÁN LỆ

2.1. So sánh qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 với qui định của Bộ luật hình sự Trung Quốc, Thụy Điển (thuộc hệ thống luật thành văn) về tội rửa tiền

2.1.1. So sánh qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam với qui định của Bộ luật hình sự Trung Quốc về tội rửa tiền

BLHS nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (sau đây gọi là Trung Quốc) được thông qua ngày 01/7/1979, có hiệu lực từ ngày 01/01/1980, lần sửa đổi bổ sung gần đây nhất là vào ngày 28/02/2005. Tại Điều 191 thuộc Mục 4 “Tội xâm phạm trật tự quản lý tiền tệ” trong Chương III “Tội xâm phạm trật tự kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa”, BLHS Trung Quốc quy định như sau:

Người nào biết rõ những khoản lợi thu được một cách phi pháp do tội phạm ma túy, tội phạm có tổ chức mang tính chất xã hội đen, tội hoạt động khủng bố, tội buôn lậu để che đậy, giấu giếm nguồn gốc và tính chất, có một trong những tình tiết dưới đây, tịch thu những khoản lợi thu được do vi phạm pháp luật thì bị phạt tù đến 5 năm hoặc cải tạo lao động và bị phạt tiền từ 5% đến 20% số tiền rửa này; nếu có tình tiết nghiêm trọng thì bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm và bị phạt tiền từ 5% đến 20% số tiền rửa này:

1. Cung cấp từ khoản vốn;
2. Giúp đỡ bằng cách chuyển tài sản thành tiền mặt hoặc ngân phiếu;

3. Thông qua việc chuyển nợ hoặc các hình thức quyết toán khác giúp đỡ chuyển vốn;
4. Giúp đỡ bằng cách chuyển tiền ra nước ngoài;
5. Dùng những biện pháp khác để che đậy, giấu giếm tính chất, nguồn gốc nguồn thu bất hợp pháp.

Đơn vị phạm tội như quy định trên thì đơn vị đó sẽ bị phạt tiền, người chủ quản chịu trách nhiệm trực tiếp và người chịu trách nhiệm trực tiếp khác thì bị phạt tù đến 5 năm hoặc cải tạo lao động; nếu có tình tiết nghiêm trọng sẽ bị phạt tù từ 5 năm đến 10 năm [29, Điều 191].

So sánh với quy định tại Điều 251 BLHS Việt Nam năm 1999, có thể thấy điểm giống và khác nhau giữa hai Bộ luật như sau:

** Điểm giống nhau*

- *Về mặt chủ quan*: qua cụm từ “biết rõ” xác định lỗi của người phạm tội là lỗi cố ý tương tự như quy định trong BLHS Việt Nam.
- *Về hình phạt*: các bộ luật đều quy định hình phạt tù có thời hạn là hình phạt chính và phạt tiền là hình phạt bổ sung. Ngoài ra, cả hai bộ luật đều phân loại mức hình phạt theo tính chất nghiêm trọng của hành vi phạm tội; trường hợp không có tình tiết nghiêm trọng và trường hợp có tình tiết nghiêm trọng thì khung hình phạt là khác nhau chứ không quy định một khung như pháp luật hình sự một số nước khác.

** Điểm khác nhau*

- *Về khách thể*: tội rửa tiền theo pháp luật Trung Quốc được xếp vào nhóm tội có khách thể loại là các tội xâm phạm trật tự quản lý tiền tệ hay rộng hơn là các tội xâm phạm trật tự kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Cách sắp xếp này phù hợp hơn BLHS Việt Nam năm 1999 vì xuất phát từ bản chất hoạt động rửa tiền trước tiên xâm phạm đến trật tự quản lý tiền tệ, làm đảo lộn và “gây ảnh hưởng xấu đến an toàn hệ thống tài chính, tiền tệ quốc gia”, từ đó mới gián tiếp xâm phạm đến an toàn, trật tự công cộng.

- *Về chủ thể*: theo quy định tại Điều 17 BLHS Trung Quốc thì

Người đủ 16 tuổi phạm tội phải chịu trách nhiệm hình sự. Người đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội giết người hoặc cố ý gây thương tích dẫn đến thương tích nặng hoặc chết người, hiếp dâm, cướp giật, mua bán chất ma túy, đốt nhà, đặt bom, đầu độc. Người đủ 14 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi được hưởng hình phạt giảm nhẹ hoặc giảm khung hình phạt... [29, Điều 17].

Đối chiếu với quy định này thì chủ thể của tội rửa tiền là người đủ 16 tuổi trở lên. Nếu là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội sẽ được hưởng hình phạt giảm nhẹ hoặc giảm khung hình phạt. Trong khi theo BLHS Việt Nam năm 1999 thì chủ thể của tội phạm là người từ đủ 14 tuổi trở lên nếu phạm tội theo khoản 2 và khoản 3, nếu phạm tội theo khoản 1 thì là người từ đủ 16 tuổi trở lên.

- Ngoài chủ thể là cá nhân, Điều 191 BLHS Trung Quốc còn quy định chủ thể là pháp nhân. Đây là một điểm đặc biệt so với BLHS Việt Nam vì BLHS Việt Nam năm 1999 không quy định pháp nhân phải chịu trách nhiệm hình sự về tội rửa tiền. Trong khi đó, trong BLHS Trung Quốc, pháp nhân chịu trách nhiệm hình sự thông qua đồng thời hai cách: pháp nhân bị phạt tiền và người phụ trách trực tiếp và những người có liên quan cũng phải chịu trách nhiệm. Mục 4 “chủ thể phạm tội là cơ quan, đơn vị và tổ chức” thuộc chương II Phần chung quy định:

Điều 30. Công ty, xí nghiệp, cơ quan, tổ chức, đoàn thể thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội, pháp luật coi là đơn vị phạm tội và phải chịu trách nhiệm hình sự.

Điều 31. Đơn vị nào phạm tội sẽ bị phạt tiền; người phụ trách trực tiếp và những người có trách nhiệm trực tiếp khác của đơn vị cũng phải chịu trách nhiệm... .

- *Về hành vi khách quan*: có bốn nhóm hành vi được liệt kê cụ thể và một nhóm khái quát. Trong bốn nhóm hành vi này có hành vi tương tự hành vi được quy định tại Điều 251 BLHS Việt Nam năm 1999 như “giúp đỡ bằng cách chuyển tài sản thành tiền mặt hoặc ngân phiếu” (tương tự hành vi “tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác...” tại điểm a khoản 1 BLHS năm 1999), những hành vi còn lại khác với quy định của BLHS Việt Nam. Ngoài bốn nhóm hành vi cụ thể, điều luật đã có một quy định rất khái quát là “dùng những biện pháp khác để che đậy, giấu giếm tính chất, nguồn gốc nguồn thu bất hợp pháp”, quy định khái quát này không có trong BLHS Việt Nam năm 1999.

- *Về phạm vi tội phạm nguồn*: so với BLHS Việt Nam, BLHS Trung Quốc có khác biệt nổi bật là quy định giới hạn tội phạm nguồn gồm có: tội phạm ma túy, tội phạm có tổ chức mang tính chất xã hội đen, tội hoạt động khủng bố, tội buôn lậu. Như vậy quy định tội phạm nguồn của BLHS Trung Quốc vừa căn cứ vào đối tượng phạm tội (ma túy, khủng bố, buôn lậu) vừa căn cứ vào tính chất (tội phạm có tổ chức mang tính chất xã hội đen). Như vậy, qua quy định về tính chất này, nhiều tội phạm khác ngoài tội phạm về ma túy, khủng bố và buôn lậu mà được thực hiện bởi tổ chức tội phạm mang tính chất xã hội đen cũng trở thành tội phạm nguồn. Như vậy phạm vi tội phạm nguồn theo quy định của BLHS Trung Quốc thực chất cũng rất rộng, có thể là bất kỳ tội phạm nào ngoài các tội phạm về ma túy, khủng bố và buôn lậu nhưng được thực hiện bởi các tổ chức tội phạm mang tính chất xã hội đen. Điều này thể hiện quan điểm của nhà làm luật Trung Quốc coi những hoạt động rửa tiền của cá nhân riêng lẻ nếu không phạm vào ba nhóm tội buôn lậu, ma túy và khủng bố là không cần thiết phải xử lý bằng pháp luật hình sự. BLHS Việt Nam năm 1999 không qui định về danh mục các tội phạm là tội phạm nguồn đối với rửa tiền, do đó, có thể hiểu bất kỳ tội nào cũng có thể là tội phạm nguồn của rửa tiền.

- *Về hình phạt*: tuy giống nhau là cùng quy định hình phạt chính là tù có thời hạn và hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng ở mỗi nước quy định mức hình phạt là khác nhau, mức hình phạt ở Trung Quốc thấp hơn ở Việt Nam (mức cao nhất là 10 năm tù), ngoài ra hình phạt chính tù có thời hạn có thể bị thay thế bằng hình phạt cải tạo lao động. Theo quy định tại điều 42 BLHS Trung Quốc thì hình phạt cải tạo lao động có thời hạn từ 1 đến 6 tháng, theo quy định tại Điều 45 thì tù có thời hạn được quy định từ 6 tháng đến 15 năm. Đối với hình phạt tiền thì mức phạt trong BLHS Trung Quốc tương đối thấp so với Việt Nam: 5% đến 20% số tiền rửa trong khi BLHS Việt Nam năm 1999 quy định là phạt đến ba lần số tiền hoặc giá trị tài sản phạm tội. Các hình phạt áp dụng với cá nhân được áp dụng như với pháp nhân (mức hình phạt của cá nhân giống mức hình phạt của người chịu trách nhiệm trực tiếp và người chịu trách nhiệm khác...). Ngoài ra, BLHS Việt Nam năm 1999 còn quy định những hình phạt bổ sung khác như tịch thu tài sản, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một đến năm năm còn BLHS Trung Quốc không quy định những hình phạt bổ sung này.

2.1.2. So sánh qui định của Bộ luật hình sự Việt Nam với qui định của Bộ luật hình sự Thụy Điển về tội rửa tiền

BLHS Thụy Điển được thông qua năm 1962, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/1965, được sửa đổi gần nhất vào ngày 01/5/1999, tại chương 9 “Tội lừa đảo và các tội gian dối khác” ở Điều 6 qui định:

Người nào:

1. Tiếp nhận tài sản do người khác chiếm đoạt mà có và việc tiếp nhận này được tiến hành theo cách thức khiến cho việc truy thu tài sản trở nên khó khăn;
2. Thu lời bất chính từ tài sản do người khác phạm tội mà có;
3. Tạo cơ hội cho người khác sử dụng, khai thác tài sản bất nguồn từ tài sản do phạm tội mà có, hoặc giá trị của tài sản đó;

4. Giúp đỡ người khác di chuyển, chuyển nhượng hoặc bán tài sản bất nguồn từ tài sản do phạm tội mà có, hoặc tiến hành biện pháp tương tự, nhằm che giấu nguồn gốc của tài sản; hoặc

5. Theo yêu cầu của người khác, chuyển hoặc tiến hành biện pháp tương tự xác nhận quyền đối với tài sản do phạm tội mà có;

Thì bị phạt tù đến hai năm về tội nhận tài sản do phạm tội mà có.

Người nào trong hoạt động kinh doanh hoặc một phần của hoạt động kinh doanh được tiến hành thường xuyên hoặc trên quy mô lớn, nhận tài sản mà có thể giả định một cách hợp lý là do người khác phạm tội chiếm đoạt tài sản mà có, và việc tiếp nhận đó được tiến hành theo cách thức khiến cho việc thu hồi tài sản trở nên khó khăn thì cũng bị xử phạt tương tự như phạm tội nhận tài sản do phạm tội mà có.

Phạm tội quy định tại đoạn 1 và đoạn 2 của Điều này trong trường hợp nghiêm trọng thì bị phạt tù từ sáu tháng đến sáu năm [37].

Điều 7.

Nếu hành vi phạm tội quy định tại Điều 6 được coi là ít nghiêm trọng thì người phạm tội sẽ bị phạt tù đến sáu tháng hoặc phạt tiền về tội nhận tài sản do phạm tội mà có trong trường hợp ít nghiêm trọng.

Người phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì cũng bị áp dụng hình phạt đối với tội nhận tài sản do phạm tội mà có trong trường hợp ít nghiêm trọng:

1. Người nhận tài sản có cơ sở hợp lý để cho rằng do người khác phạm tội chiếm đoạt mà có và việc tiếp nhận được tiến hành theo cách thức khiến cho việc thu hồi tài sản đó trở nên khó khăn, trừ trường hợp quy định tại đoạn 2 Điều 6.

2. Trong trường hợp quy định tại đoạn 1 Điều 6 nhưng không

nhận thức được, mặc dù có cơ sở hợp lý để cho rằng tài sản đó có liên quan đến tội phạm; hoặc

3. Theo cách thức quy định tại điểm 1, đoạn 1 của Điều 6, tham gia thực hiện tội phạm chiếm đoạt tài sản và không nhận thức được, mặc dù có cơ sở hợp lý để cho rằng tội phạm đã được thực hiện [37].

Nghiên cứu các quy định khác của BLHS Thụy Điển có thể rút ra những điểm giống và khác của BLHS Thụy Điển và BLHS Việt Nam năm 1999 như sau:

** Điểm giống nhau*

Các Bộ luật đều không có quy định về tội phạm nguồn. Điều này được hiểu là bất kỳ tội phạm nào mà tiền thu được bất hợp pháp từ tội phạm đó đều là tội phạm nguồn của rửa tiền.

** Điểm khác nhau*

- *Về khách thể*: Trong BLHS Thụy Điển, Điều 6 và Điều 7 được xếp vào chương tội lừa đảo và các tội gian dối khác. Có thể thấy nhà làm luật Thụy Điển đã không đánh giá khách thể của tội phạm giống nhà làm luật Việt Nam là đánh giá theo quan hệ xã hội bị xâm hại mà đánh giá theo bản chất hành vi của người phạm tội. Do bản chất của tội phạm rửa tiền là dùng các thủ đoạn để xóa giấu vết, che đậy nguồn gốc của tiền bẩn, biến tiền bẩn thành tiền sạch nên thực chất đây là hoạt động gian dối. Có thể thấy cách nhìn nhận, đánh giá và sắp xếp của nhà làm luật Thụy Điển trực diện nhưng cũng nhẹ nhàng hơn cách đánh giá của nhà làm luật Việt Nam.

Về đối tượng tác động: BLHS Thụy Điển chỉ dùng khái niệm “tài sản” cho vấn đề này, cách diễn đạt này bao quát mọi giá trị vật chất mà tội phạm nguồn và tội phạm rửa tiền tác động vào. Trong khi đó, BLHS Việt Nam năm 1999 dùng khái niệm “tiền, tài sản”. Cách sử dụng thuật ngữ của BLHS Việt Nam vẫn còn chưa chuẩn xác vì khái niệm tài sản đã bao hàm trong đó cả tiền

(theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật phòng, chống rửa tiền Việt Nam và quy định tại Công ước của Liên hợp quốc).

- *Về chủ thể*: theo quy định tại Điều 6 Chương I BLHS Thụy Điển thì “không áp dụng chế tài đối với người phạm tội khi chưa đủ 15 tuổi”. Như vậy, chủ thể của tội rửa tiền trong BLHS Thụy Điển khác so với BLHS Việt Nam. Nếu như chủ thể của tội rửa tiền trong BLHS Việt Nam năm 1999 chia làm hai loại: người từ đủ 14 tuổi trở lên đến dưới 16 tuổi và người đủ 16 tuổi trở lên thì BLHS Thụy Điển xác định chủ thể là người đủ 15 tuổi trở lên. Trong khi đó, BLHS Việt Nam năm 1999 vẫn buộc người từ đủ 14 tuổi trở lên chịu trách nhiệm hình sự về hành vi rửa tiền của mình nếu phạm vào khoản 2 và khoản 3 Điều 251 BLHS (là tội rất nghiêm trọng). Điều này thể hiện chính sách cứng rắn của nhà làm BLHS Việt Nam năm 1999 khi buộc những người trẻ phải chịu trách nhiệm cho hành động vi phạm pháp luật hình sự gây nguy hại rất lớn cho xã hội của mình.

- *Về mặt chủ quan*, điểm khác biệt cần lưu ý của BLHS Thụy Điển so với BLHS Việt Nam là trạng thái lỗi vô ý cũng phải chịu trách nhiệm hình sự về tội này. Trong khi BLHS Việt Nam nhấn mạnh yếu tố nhận thức “biết rõ là tiền, tài sản do phạm tội mà có” và “nhằm mục đích che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản” để xác định lỗi của người phạm tội phải là lỗi cố ý thì trong BLHS Thụy Điển, yếu tố lỗi gồm cả trạng thái cố ý và vô ý. Nếu như ở Điều 6, nhà làm luật không nhắc đến trạng thái lỗi nhưng căn cứ vào mô tả hành vi và quy định tại Điều 2 Chương 1 “trừ khi có quy định khác, hành vi chỉ bị coi là tội phạm nếu được thực hiện một cách cố ý” và cách sử dụng cụm từ “tài sản do người khác phạm tội mà có” mà không đề cập đến trạng thái nhận thức của người phạm tội, ngoài ra tại khoản 1 Điều 6 có thêm quy định “việc tiếp nhận này được tiến hành theo cách thức khiến cho việc truy thu tài sản trở nên khó khăn”, khoản 4 Điều 6 “nhằm che giấu nguồn gốc của tài sản”

và đặt trong mối tương quan với cách diễn đạt tại câu 2 Điều 6 và Điều 7 (trong hai câu này, nhà làm luật luôn nêu rõ cụm từ “có thể giả định một cách hợp lý/có cơ sở hợp lý để cho rằng người khác phạm tội chiếm đoạt mà có”) thì có thể hiểu ở đây hành vi phạm tội được xác định với lỗi cố ý. Trong khi đó, tại Điều 7 về các trường hợp ít nghiêm trọng, yếu tố lỗi vô ý được xác định. Ngoài trường hợp tại khoản 1 Điều 7 khi người phạm tội không biết rõ ràng, chính xác mà chỉ “có cơ sở hợp lý” để cho rằng tài sản do người khác phạm tội chiếm đoạt mà có, nhưng hành vi tiếp nhận lại được “tiến hành theo cách thức khiến cho việc thu hồi tài sản trở nên khó khăn” (tương tự như quy định tại câu 2 Điều 6) thực chất đây là một dạng lỗi cố ý nhưng ở mức thấp hơn so với cố ý thông thường khi người phạm tội biết chắc chắn tài sản là bất hợp pháp. Còn lại, trạng thái lỗi vô ý được thể hiện đậm nét trong khoản 2 Điều 7, với cụm từ “không nhận thức được, mặc dù có cơ sở hợp lý để cho rằng tài sản đó có liên quan đến tội phạm” và “tham gia thực hiện tội phạm và không nhận thức được, mặc dù có cơ sở hợp lý để cho rằng tội phạm đã được thực hiện”. Trạng thái lỗi này tương tự như trạng thái lỗi vô ý do cấu tạo được quy định tại khoản 2 Điều 10 BLHS Việt Nam 1999. Người phạm tội không nhận thức được rằng tài sản đang tiếp cận là tài sản bất hợp pháp mặc dù có thể biết.

- *Về mặt khách quan*, BLHS Thụy Điển quy định 6 hành vi khác nhau đối với tội rửa tiền. So với quy định tại BLHS Việt Nam năm 1999, quy định tại Điều 6 BLHS Thụy Điển bao gồm cả hành vi chứa chấp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, đó là các hành vi tiếp nhận, giúp đỡ người khác, điều chuyển, chuyển nhượng hoặc bán tài sản bắt nguồn từ tài sản do phạm tội mà có... Như vậy, nhà làm luật Thụy Điển đã đánh giá hành vi chứa chấp, tiêu thụ có bản chất là hành vi rửa tiền bởi chúng đều nhằm xóa dấu vết của hành vi phạm tội nguồn, hướng đến mục tiêu sở hữu tài sản bất hợp pháp

của tội phạm. Trong khi đó, BLHS năm 1999 lại qui định chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là tội danh độc lập và không thuộc về tội rửa tiền

- *Về hình phạt*: mức hình phạt mà BLHS Thụy Điển áp dụng tương đối nhẹ so với hình phạt về tội rửa tiền trong BLHS Việt Nam năm 1999. Trong trường hợp bình thường hình phạt là đến hai năm tù còn trường hợp nghiêm trọng là từ sáu tháng đến sáu năm tù. Trường hợp ít nghiêm trọng hình phạt là tù đến sáu tháng hoặc phạt tiền. Khác với BLHS Việt Nam năm 1999, BLHS Thụy Điển áp dụng phạt tiền là hình phạt chính trong trường hợp không áp dụng hình phạt tù. Đây là điểm khác biệt thể hiện tư duy linh động của nhà làm luật trong việc xử lý tội phạm. BLHS Việt Nam năm 1999 quy định phạt tiền là hình phạt bổ sung, còn BLHS Thụy Điển quy định phạt tiền có thể được áp dụng là hình phạt chính trong trường hợp ít nghiêm trọng.

2.2. So sánh quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 với quy định của pháp luật hình sự Mỹ và Canada (thuộc hệ thống án lệ) về tội rửa tiền

2.2.1. So sánh quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 với quy định của pháp luật hình sự Mỹ về tội rửa tiền

Luật kiểm soát rửa tiền năm 1986 quy định 3 tội danh mới trong BLHS Mỹ là: cố ý giúp đỡ rửa những khoản tiền từ các hoạt động phạm pháp; cố ý thực hiện giao dịch lớn hơn mức 10.000 USD có được từ các hoạt động phạm pháp trong một ngày; cố ý tiến hành những giao dịch nhằm tránh những quy định của Luật bảo mật ngân hàng (BSA). Tại Điều (1) (A) (1) ở đoạn 1956, 1957:

Người nào biết rằng các tài sản thu được từ các hoạt động trái pháp luật; tham gia vào một giao dịch tài chính, thực hiện hoặc cố gắng tiến hành một giao dịch tài chính liên quan đến số tiền thu được từ hoạt động trái pháp luật; biết rằng các giao dịch được thiết

lập toàn bộ hoặc một phần nhằm che giấu hoặc ngụy trang bản chất, vị trí, nguồn, quyền sở hữu, hoặc sự kiểm soát của số tiền thu được từ hoạt động trái pháp luật thì bị phạt tiền không quá 500.000 USD hoặc hai lần giá trị của tài sản liên quan đến giao dịch, hoặc phạt tù trên 20 năm hoặc cả hai [25].

Điều (2) quy định:

Người nào vận chuyển, cố gắng để vận chuyển, chuyển giao tiền từ một địa điểm ở Mỹ hoặc thông qua một địa điểm ngoài lãnh thổ Mỹ đến một địa điểm ở Mỹ hoặc thông qua một địa điểm ngoài lãnh thổ Mỹ (A) với mục đích thúc đẩy các hoạt động trái pháp luật; (B) biết rằng tiền tham gia vào quá trình vận chuyển, chuyển giao là tiền thu được từ các hoạt động trái pháp luật và biết những giao dịch vận chuyển, hoặc chuyển giao được thiết kế toàn bộ hoặc một phần (i) để che giấu hoặc ngụy trang bản chất, vị trí, nguồn, quyền sở hữu, hoặc sự kiểm soát của số tiền thu được từ hoạt động trái pháp luật; (ii) để tránh một yêu cầu báo cáo giao dịch theo pháp luật bang hoặc liên bang, thì bị phạt tiền không quá 500.000 USD hoặc hai lần giá trị của số tiền tham gia trong việc vận chuyển, chuyển giao hoặc phạt tù không quá hai mươi năm, hoặc cả hai [25].

So sánh với quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 về tội rửa tiền, có thể rút ra những điểm giống và khác nhau giữa BLHS Việt Nam năm 1999 và pháp luật hình sự Mỹ về tội rửa tiền như sau:

* *Điểm giống nhau:*

- *Về mặt chủ quan:* các quy định trong BLHS hai nước đều thể hiện người phạm tội với lỗi cố ý khi người đó biết nguồn gốc của tiền, tài sản thu được từ hoạt động trái pháp luật và mục đích của hành vi mà mình đang thực hiện là che giấu hoặc ngụy trang bản chất, vị trí, nguồn, quyền sở hữu, hoặc sự kiểm soát của số tiền đó.

- *Về chủ thể của tội phạm*: như đã phân tích ở chương I thì quy định này tại Điều 251 BLHS Việt Nam năm 1999 chưa rõ ràng, còn gây tranh cãi là chủ thể có bao gồm cả người đã thực hiện tội phạm nguồn hay chỉ bao gồm người thực hiện hành vi rửa tiền nhưng đến BLHS Việt Nam 2015, chủ thể đã được xác định gồm cả người thực hiện và người không thực hiện tội phạm nguồn. Đối với pháp luật Mỹ, cần xem xét Điều 2 (6) quy định mẫu của các quốc gia châu Mỹ về chống rửa tiền: “Tội (rửa tiền) được quy định trong điều luật này phải được phát hiện, điều tra và truy tố, xét xử bởi Tòa án hoặc cơ quan có thẩm quyền như một tội phạm độc lập với các tội phạm khác”. Như vậy, hành vi rửa tiền không nằm trong chuỗi hành vi thực hiện tội phạm nguồn mà được xem xét trong một cấu thành tội phạm mới, hoàn toàn độc lập với bất kỳ hành vi phạm tội nào khác kể cả tội phạm nguồn. Dẫn chiếu đến tội rửa tiền trong pháp luật hình sự Mỹ, việc sử dụng các cụm từ “người nào”, “biết rằng” đã thể hiện chủ thể gồm hai loại đối tượng, phù hợp với quy định mẫu nêu trên.

** Điểm khác nhau*

- *Về hành vi khách quan*: nếu như BLHS Việt Nam năm 1999 quy định các hành vi thuộc nhóm chứa chấp, tiêu thụ tài sản thuộc tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có thì trong Luật kiểm soát rửa tiền Mỹ, các hành vi thuộc về quá trình thực hiện các hành vi chứa chấp, tiêu thụ (như vận chuyển, chuyển giao, thực hiện giao dịch...) được quy định là hành vi phạm tội rửa tiền và bị trừng trị rất nặng. Ngoài ra, pháp luật hình sự Mỹ quy định những nhóm hành vi cụ thể, chi tiết và rõ ràng, trong đó có nhóm hành vi giống BLHS Việt Nam năm 1999 qui định như tham gia thực hiện giao dịch tài chính nhằm che giấu nguồn gốc trái pháp luật của tiền, tài sản do phạm tội mà có, đồng thời có những nhóm hành vi khác như vận chuyển tiền đến các địa điểm trong hoặc ngoài lãnh thổ Mỹ để che giấu nguồn

gốc tiền, tài sản hoặc để tránh yêu cầu báo cáo giao dịch theo pháp luật liên bang. Đây là một quy định chi tiết và khác biệt so với BLHS Việt Nam năm 1999 nhưng lại có vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn hoạt động rửa tiền ngay từ đầu. Bởi vì hoạt động vận chuyển, chuyển giao tiền bản là một trong những cách thức rửa tiền thô sơ nhưng rất hiệu quả, đặc biệt khi hoạt động đó nhằm “để tránh một yêu cầu báo cáo giao dịch theo pháp luật bang hoặc liên bang”. Điều này rất quan trọng vì theo bản 40+9 khuyến nghị của FATF thì “báo cáo các giao dịch đáng ngờ và tuân thủ” là các khuyến nghị thuộc nhóm khuyến nghị “B. Các biện pháp được các định chế tài chính và các loại hình kinh doanh và ngành nghề phi tài chính thực hiện nhằm ngăn ngừa hoạt động rửa tiền và tài trợ khủng bố” [7] - nhóm khuyến nghị rất quan trọng nhằm ngăn chặn hoạt động rửa tiền ngay từ đầu, hạn chế quá trình thâm nhập, trà trộn sâu hơn dẫn đến khó phát hiện tiền bản hơn. Đồng thời, điều này thể hiện trình độ phát triển cao, có tính tiên phong của pháp luật Mỹ bởi vì FATF là tổ chức được thành lập vào năm 1989, trong khi đó Luật kiểm soát rửa tiền Mỹ đã ra đời từ năm 1986 và đã đề cập đến hành vi rửa tiền liên quan đến hoạt động báo cáo các giao dịch đáng ngờ. Quy định này chứng tỏ sự hoàn thiện, đầy đủ và chặt chẽ của pháp luật Mỹ bởi vì cùng với pháp luật hình sự, lúc này pháp luật Mỹ đã có cả quy định về phòng chống rửa tiền của các định chế tài chính, liên quan đến hoạt động của cơ quan tình báo tài chính...

Ở Việt Nam, yêu cầu báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến tội phạm rửa tiền mới chỉ lần đầu xuất hiện trong Nghị định số 74/2005/NĐ-CP ngày 07/6/2005 của Chính phủ về phòng chống rửa tiền với tư cách là một cách thức quan trọng để phòng, chống rửa tiền mà chưa có một chế tài hình sự nào liên quan đến yêu cầu này. Ngoài ra, Luật kiểm soát rửa tiền Mỹ còn rất chi tiết khi quy định rõ “các giao dịch tài chính liên quan đến số tiền thu được từ hoạt động trái pháp luật được thiết lập toàn bộ hoặc một phần nhằm che

giấu hoặc nguy trang bản chất, vị trí, nguồn, quyền sở hữu hoặc sự kiểm soát của số tiền thu được từ hoạt động trái pháp luật”. Với cách quy định rõ đặc điểm của giao dịch tài chính “được thiết lập toàn bộ hoặc một phần nhằm...”, pháp luật Mỹ đã tránh được tình trạng mập mờ có thể dẫn đến lách luật của tội phạm bởi vì quy định này đã bao quát mọi phạm vi giao dịch, không còn loại giao dịch nào để tội phạm có thể sử dụng để tránh bị trừng trị. Đây là một chi tiết nhỏ nhưng thể hiện sự cẩn trọng, hoàn thiện của pháp luật hình sự Mỹ.

- *Về hình phạt*: mặc dù pháp luật hình sự cả hai nước đều thể hiện sự nghiêm khắc đối với tội phạm rửa tiền nhưng trong pháp luật hình sự Mỹ, mức độ nghiêm khắc rất cao khi hình phạt là “phạt tiền không quá 500.000 USD hoặc hai lần giá trị của tài sản liên quan đến giao dịch, hoặc phạt tù trên 20 năm hoặc cả hai”. Trong khi hình phạt tù đối với tội rửa tiền theo quy định tại BLHS Việt Nam năm 1999 có mức cao nhất là 15 năm tù. Ngoài ra, nhà làm luật Việt Nam quy định phạt tiền là một trong số các hình phạt bổ sung còn nhà làm luật Mỹ quy định phạt tiền là hình phạt chính được áp dụng thay thế hoặc áp dụng cùng với hình phạt tù. Quy định này vẫn đảm bảo tính nghiêm khắc nhưng cũng tạo sự linh động cho Toà án có thể lựa chọn hình phạt phù hợp, đạt lợi ích nhất cho cả Nhà nước và người phạm tội trong những hoàn cảnh cụ thể bởi không phải khi nào hình phạt tù cũng đem lại hiệu quả cao nhất. Qua đây, ta thấy pháp luật hình sự Mỹ trừng trị rất nặng tội rửa tiền. Điều này có thể được lý giải bởi nhà làm luật Mỹ nhận thức rất rõ về hậu quả nghiêm trọng của tội phạm rửa tiền trong bối cảnh đất nước có nền kinh tế, khoa học kỹ thuật, công nghệ phát triển hàng đầu thế giới, thì đồng hành với nó là sự phát triển mạnh mẽ, tinh vi và nghiêm trọng ở mức độ hàng đầu thế giới của tội phạm rửa tiền, đặc biệt là tội phạm rửa tiền có tổ chức. Do đó việc trừng trị nghiêm là rất cần thiết, vừa tương xứng với hành vi phạm tội, vừa có tính giáo dục, ngăn chặn ý định phạm tội từ trong trứng nước.

2.2.2. So sánh quy định của Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 với quy định của Bộ luật hình sự Canada về tội rửa tiền

Phần “Tội phạm” thuộc Phần XII.2 “Tài sản do phạm tội mà có” của BLHS Canada quy định:

Hợp pháp hóa tài sản do phạm tội mà có

462.31 (1) Một người phạm một tội khi sử dụng, chuyển dịch việc chiếm hữu, gửi đi hay giao cho bất kỳ người hay tới địa điểm nào, vận tải, truyền, sửa đổi, định đoạt hay thông qua cách khác giao dịch theo bất kỳ cách thức hay phương tiện nào đối với bất kỳ tài sản hay bất kỳ lợi ích nào có được từ bất kỳ tài sản nào với ý đồ che giấu hay chuyển đổi tài sản đó hay lợi ích đó mà biết được hay tin là tất cả hay một phần của tài sản hay lợi ích đó đã có được hay có nguồn gốc trực tiếp hay gián tiếp như là kết quả của:

(a) việc phạm tại Canada một tội được quy định; hoặc

(b) một hành động hoặc không hành động ở bất kỳ nơi nào khác mà nếu xảy ra tại Canada sẽ cấu thành một tội được quy định.

Hình phạt

(2) Bất kỳ người nào phạm một tội theo khoản (1)

(a) là phạm một tội đại hình và có thể bị tù có thời hạn không quá 10 năm; hoặc

(b) là phạm một tội có thể bị trừng phạt theo thủ tục kết án rút gọn.

Ngoại lệ

(3) Cán bộ trật tự hay người hành động theo chỉ đạo của cán bộ trật tự không phạm một tội theo khoản (1) nếu cán bộ trật tự huy động người này làm bất kỳ việc gì quy định tại khoản đó phục vụ cho cuộc điều tra hay theo cách khác là thực hiện các nhiệm vụ của cán bộ trật tự [4].

** Điểm giống nhau*

- *Vấn đề tội phạm nguồn*: quy định “việc phạm tại Canada một tội được quy định...” cho thấy theo qui định của BLHS Canada, tội phạm nguồn có thể là bất kì tội nào. BLHS Canada và BLHS Việt Nam năm 1999 đều quy định tội phạm nguồn là bất kỳ một tội phạm nào đã được quy định trong BLHS. BLHS Việt Nam năm 1999 tuy không nêu rõ như Canada về vấn đề này nhưng trong luật chỉ xuất hiện cụm từ “tiền, tài sản do phạm tội mà có” mà không có quy định khác bổ sung, giải thích cho cụm từ này do đó cũng có thể hiểu là khi một người đã phạm bất kỳ một tội nào khác mà muốn “rửa” số tiền, tài sản thu được thì tội phạm bất kỳ đó đều là tội phạm nguồn của tội rửa tiền.

- *Về mặt chủ quan*: Lỗi được xác định là dạng lỗi cố ý. Trong BLHS Canada người phạm tội có “ý đồ che giấu hay chuyển đổi tài sản đó hay lợi ích đó mà biết được hay tin là tất cả hay một phần của tài sản hay lợi ích đó đã có được hay có nguồn gốc trực tiếp hay gián tiếp như là kết quả của việc phạm tại Canada một tội được quy định...”. Cụm từ “biết được” xuất hiện ở đây cũng có nghĩa khá tương đồng với cụm từ “biết rõ” trong BLHS Việt Nam năm 1999. Mặc dù cấp độ diễn tả khác nhau nhưng từ “biết” phản ánh nhận thức rõ ràng của người phạm tội về nguồn gốc tài sản là bất hợp pháp nhưng vẫn thực hiện những hành vi trái pháp luật tác động lên tài sản đó. Đối với trường hợp “tin là”, nhận thức về tài sản thông qua sự tiếp nhận và xử lý các thông tin phản ánh về tài sản, qua đó người phạm tội có cơ sở tin rằng đây là tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp, chứ không biết rõ ràng, chính xác. Mặc dù chỉ là sự đánh giá mang tính chủ quan của người phạm tội về tài sản nhưng sau đó người phạm tội đã thực hiện hành vi phạm tội thì điều đó phản ánh người phạm tội đã cố ý phạm tội. Do đó trong cả hai trường hợp này lỗi của người phạm tội đều là lỗi cố ý.

- *Về hình phạt*: hình phạt được quy định đều là phạt tù có thời hạn. Đây

là hình phạt chính trong BLHS Việt Nam năm 1999 và là hình phạt duy nhất trong BLHS Canada. Nó thể hiện quan điểm cứng rắn của nhà làm luật Canada trong việc xử lý tội phạm là áp dụng hình thức tước tự do có thời hạn đối với người phạm tội.

** Điểm khác nhau*

- *Về chủ thể*: căn cứ vào hai từ “biết được” và “tin là” trong quy định của BLHS Canada, có thể thấy chủ thể của tội hợp pháp hóa tài sản do phạm tội mà có không phải là người đã thực hiện tội phạm nguồn. Nếu như theo BLHS Việt Nam năm 1999 vấn đề này gây tranh cãi theo hai quan điểm khác nhau là do từ “biết rõ” phản ánh nhận thức của cả người thực hiện và người không thực hiện tội phạm nguồn. Nhưng với từ “biết được” thì chỉ dạng tiếp nhận thông tin về một vấn đề nào đó không phải do bản thân thực hiện, với từ “tin là” còn thể hiện điều này rõ nét hơn. Do đó, có thể thấy chủ thể của tội rửa tiền theo quy định của BLHS Canada là người không thực hiện tội phạm nguồn.

- *Về hành vi khách quan*: mục 462.31 của BLHS Canada dẫn ra một loạt hành vi cụ thể như “sử dụng, chuyển dịch việc chiếm hữu, gửi đi hay giao cho bất kỳ người hay tới địa điểm nào, vận tải, truyền, sửa đổi, định đoạt”. Đây là những dạng hành vi xuất hiện cả trong tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có theo quy định tại BLHS Việt Nam năm 1999. Do đó có thể thấy tội hợp pháp hóa tài sản do phạm tội mà có trong BLHS Canada là tổng thể của cả tội chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội rửa tiền của BLHS Việt Nam năm 1999. Tuy nhiên, không dừng ở việc mô tả một loạt hành vi cụ thể, sự hoàn thiện của BLHS Canada thể hiện ở chỗ đã mô tả dạng khái quát nhất bao trùm tất cả mọi hành vi rửa tiền nhằm tránh bỏ lọt tội phạm, đó là “...hay thông qua cách khác giao dịch theo bất kỳ cách thức hay phương tiện nào đối với bất kỳ tài sản hay bất kỳ lợi

ích nào có được từ bất kỳ tài sản nào với ý đồ che giấu hay chuyển đổi tài sản đó hay lợi ích đó”. Như vậy, cụm từ “bất kỳ” đã thay thế cho việc diễn giải các hành vi khác liên quan đến việc rửa tiền, quá trình áp dụng pháp luật sẽ không bị cản trở bởi cái gọi là “chưa có quy định về vấn đề này trong luật” là vấn đề mà nhiều nước gặp phải. Cùng với sự phát triển của đời sống xã hội, khoa học kỹ thuật, tội phạm rửa tiền sẽ luôn tìm những cách thức mới để thực hiện do đó hạn chế của phương pháp liệt kê hành vi trong điều luật là rất thực tế. Bằng cách quy định chung như vậy, nhà làm luật Canada đã loại bỏ hoàn toàn trở ngại này, đảm bảo mọi tội phạm có tính chất rửa tiền, hợp pháp hóa tài sản do phạm tội mà có đều bị xử lý.

- *Về tội phạm nguồn*: bên cạnh điểm giống nhau là không giới hạn tội phạm nguồn, BLHS Canada có điểm khác BLHS Việt Nam về quy định tội phạm nguồn và đây cũng là điểm tiến bộ của BLHS Canada. Đó là ngoài quy định tại điểm “(a) việc phạm tại Canada một tội được quy định” còn có phần “hoặc (b) một hành động hoặc không hành động ở bất kỳ nơi nào khác mà nếu xảy ra tại Canada sẽ cấu thành một tội được quy định”. Quy định tại mục (b) đã cho thấy thêm một kỹ thuật lập pháp tiến bộ nữa của Canada khi bao hàm được cả tội phạm nguồn xảy ra bên ngoài lãnh thổ Canada. Xuất phát từ đặc điểm của tội phạm rửa tiền trong nhiều trường hợp mang tính quốc tế như khi tội phạm nguồn xảy ra ở một nước còn tội phạm rửa tiền lại xảy ra ở một hoặc nhiều nước khác. Với quy định này của BLHS Canada, hành vi phạm tội nguồn bao gồm cả trường hợp xảy ra ở nước ngoài nhưng đối chiếu với quy định trong BLHS Canada thì hành vi phạm tội đó đã cấu thành một tội phạm cụ thể. Như vậy, bất kỳ hành vi nào thực hiện ở nước ngoài mà đối chiếu với BLHS Canada đã cấu thành một tội cụ thể thì hành vi rửa những khoản tài sản thu được từ việc thực hiện hành vi ở nước ngoài đó sẽ bị Canada xử lý hình

sự. Đây là một quy định hết sức chặt chẽ và đầy đủ trong pháp luật hình sự Canada, phù hợp với khuyến nghị 1 của bản 40+9 khuyến nghị của FATF:

Các tội phạm nguồn của tội rửa tiền cần bao trùm cả hành vi xảy ra tại một quốc gia khác, mà hành vi đó cấu thành tội phạm tại quốc gia đó, đồng thời nó cấu thành tội phạm tiền thân nếu nó xảy ra trong nước. Các quốc gia có thể quy định điều kiện tiên quyết duy nhất là hành vi này sẽ cấu thành một tội phạm nguồn nếu nó xảy ra trong nước [3].

- Ngoài hai khác biệt nêu trên, Điều 462.31 BLHS Canada còn dành mục (3) để quy định về trường hợp không phạm tội của cán bộ trật tự hay người hành động theo chỉ đạo của cán bộ. Quy định này cũng thể hiện tính toàn diện của BLHS Canada, loại trừ trách nhiệm hình sự trong trường hợp thi hành công vụ. Điều này xuất phát từ đặc điểm của tội phạm rửa tiền, để phát hiện ra hành vi phạm tội, người làm công vụ có thể phải dùng các biện pháp nghiệp vụ như gián điệp, tình báo, đóng giả là người cùng tổ chức phạm tội rửa tiền và thực hiện các hành vi rửa tiền mà pháp luật quy định là hành vi phạm tội để phát hiện, bắt giữ tội phạm.

- *Về đối tượng tác động của tội phạm*, nhà làm luật Canada không gọi tên là tiền, tài sản như BLHS Việt Nam mà dùng cách gọi là “tài sản” và “lợi ích có được từ bất kỳ tài sản nào”. Cách gọi này cũng bao trùm toàn bộ các giá trị vật chất liên quan đến tội phạm rửa tiền, phù hợp với quy định của Công ước Viên [5].

- *Về hình phạt*: BLHS Canada không phân chia tội hợp pháp hóa tài sản do phạm tội mà có thành các trường hợp nghiêm trọng hay ít nghiêm trọng mà quy định chung “(a) là phạm một tội đại hình và có thể bị tù có thời hạn không quá 10 năm; hoặc (b) là phạm một tội có thể bị trừng phạt theo thủ tục kết án rút gọn”. Như vậy, tùy theo đánh giá của Tòa án mà khi xét xử sẽ

áp dụng cho phù hợp trong khung hình phạt của tội phạm này là từ 10 năm tù trở xuống hoặc phải chịu hình phạt theo thủ tục kết án rút gọn. Theo cách đánh giá của nhà làm luật Canada thì đây là một tội “đại hình” tức là tội nguy hiểm và mức hình phạt đến 10 năm tù là mức phạt khá cao thể hiện tính nghiêm khắc của nhà làm luật Canada về vấn đề này.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

So sánh quy định của BLHS Việt Nam về tội rửa tiền với quy định của BLHS của một số nước để thấy những điểm tương đồng và khác biệt giữa các nước, trên cơ sở đó rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật trong nước là việc làm cần thiết trong quá trình nghiên cứu khoa học về tội phạm này. Không giống như nhiều tội phạm khác, tội phạm rửa tiền thường có xu hướng quốc tế hóa do đó sự tương thích, hài hòa giữa pháp luật các nước là rất cần thiết, tạo điều kiện cho công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm này đạt hiệu quả cao. Qua chương 2, tác giả đã trình bày những điểm giống và khác biệt của quy định về tội rửa tiền (với những tên gọi khác nhau) trong BLHS của các nước thuộc hệ thống luật thành văn là Trung Quốc, Thụy Điển và các nước thuộc hệ thống án lệ là Mỹ và Canada so với quy định về tội rửa tiền trong BLHS Việt Nam năm 1999. Qua đó, thấy rằng mỗi nước đều có những điểm khác biệt nổi trội mà chúng ta cần lưu ý để xem xét và học tập nếu phù hợp. Ở BLHS Trung Quốc là cách sắp xếp nhóm khách thể loại, cách thiết lập quy định mô tả hành vi rửa tiền ở dạng khái quát nhất để có thể bao quát mọi hành vi phạm tội, tránh bỏ lọt tội phạm, quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối với tội rửa tiền; ở BLHS Thụy Điển là quy định trường hợp phạm tội với lỗi vô ý; ở BLHS Mỹ là quy định hình phạt tiền có thể thay thế hình phạt tù; ở BLHS Canada là quy định về trường hợp tội phạm nguồn xảy ra ở nước ngoài; ở BLHS Mỹ và Canada, rửa tiền bao gồm cả hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Cùng với những phân tích về các điểm còn hạn chế trong quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 và BLHS năm 2015 đã được trình bày trong chương I, những kinh nghiệm từ việc so sánh này sẽ là bài học bổ ích và cần thiết mà chúng ta có thể rút ra những bài học kinh nghiệm để sửa đổi, bổ sung vào quy định về tội rửa tiền của BLHS Việt Nam, nhằm tiến tới xây dựng một cấu thành tội phạm hoàn chỉnh cho tội rửa tiền ở Việt Nam, góp phần đưa công tác đấu tranh phòng chống tội phạm này đạt hiệu quả cao nhất.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN QUY ĐỊNH CỦA BỘ LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM VỀ TỘI RỬA TIỀN

3.1. Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc cần thiết hoàn thiện quy định của Bộ luật hình sự về tội rửa tiền

Trên thực tế, tội phạm luôn cần rửa những đồng tiền “dơ bẩn” từ những hoạt động phi pháp của chúng để che đậy nguồn gốc bất hợp pháp của số tiền đó. Cùng với sự phát triển vượt bậc của khoa học kỹ thuật và kinh tế thế giới hiện nay, tội phạm rửa tiền cũng đang trở thành vấn nạn toàn cầu. *“Ước tính mỗi năm bọn tội phạm rửa tiền từ 500 - 1.000.000.000.000 USD trên toàn thế giới, gây ra những tác hại khôn lường đối với kinh tế, xã hội và cả an ninh toàn cầu”* [43]. Không chỉ phát triển về quy mô, các thủ đoạn rửa tiền cũng ngày một phong phú, tinh vi, khó phát hiện hơn. Chính vì vậy, việc hoàn thiện các quy định về tội phạm rửa tiền để đưa chúng trở thành công cụ đấu tranh phòng chống tội phạm hữu hiệu đã trở thành yêu cầu cấp thiết, đặc biệt là với những nước đang phát triển như Việt Nam. Để thực hiện được điều đó chúng ta phải xuất phát từ những cơ sở sau:

3.1.1. Cơ sở lý luận

Triết học Mác - Lênin đã chỉ rõ mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng trong đó cơ sở hạ tầng giữ vai trò quyết định kiến trúc thượng tầng, thể hiện ở chỗ cơ sở hạ tầng nào thì sinh ra kiến trúc thượng tầng ấy. Tất cả những hiện tượng kiến trúc thượng tầng như nhà nước, pháp luật, Đảng phái, triết học, đạo đức... đều trực tiếp hay gián tiếp phụ thuộc vào cơ sở hạ tầng, do cơ sở hạ tầng quyết định. Khi cơ sở hạ tầng có biến đổi thì sớm hay muộn cũng dẫn đến sự biến đổi căn bản trong kiến trúc thượng tầng. Sự biến đổi này diễn ra ngay trong từng hình thái kinh tế - xã

hội. Tuy nhiên, mặc dù cơ sở hạ tầng quyết định kiến trúc thượng tầng, kiến trúc thượng tầng phải phù hợp với cơ sở hạ tầng nhưng đó không phải là sự phù hợp giản đơn, máy móc. Toàn bộ kiến trúc thượng tầng cũng như những yếu tố cấu thành nó đều có tính độc lập tương đối trong quá trình vận động phát triển và tác động mạnh mẽ đến cơ sở hạ tầng. Nằm trong kiến trúc thượng tầng, pháp luật chịu sự quyết định căn bản của đời sống kinh tế xã hội. Nền kinh tế nào thì sản sinh ra hệ thống các quy phạm pháp luật tương ứng với nền kinh tế đó. Ngược lại, pháp luật có vai trò tác động trở lại đối với nền kinh tế xã hội. Nếu các quy phạm pháp luật lỗi thời, chậm đổi mới thì sẽ là rào cản kìm hãm sự phát triển của đời sống kinh tế xã hội. Đối chiếu với vấn đề tội phạm rửa tiền hiện nay ta thấy đã xuất hiện những vấn đề mới của đời sống kinh tế xã hội như xuất hiện những phương thức, thủ đoạn rửa tiền mới chưa được quy định trong BLHS Việt Nam, vấn đề pháp nhân rửa tiền... đòi hỏi quy định về tội phạm rửa tiền phải có những chuyển biến phù hợp để thể hiện vai trò tích cực của nó trong quá trình phát triển của xã hội Việt Nam.

Mặt khác, trong quá trình hội nhập hiện nay, hệ thống pháp luật của Việt Nam nói chung và pháp luật hình sự nói riêng cần tương thích với hệ thống pháp luật thế giới. Do tính chất nghiêm trọng của vấn đề, trước xu thế phát triển không ngừng cả về thủ đoạn, phạm vi, quy mô và tính chất của tội phạm rửa tiền, sự thống nhất giữa các quy định về chống rửa tiền trên bình diện quốc gia và quốc tế là một trong những vấn đề được nhiều tổ chức quốc tế quan tâm. Liên hợp quốc đã có nhiều văn bản về vấn đề này trong đó đặc biệt quan trọng, khởi xướng việc hình sự hóa các hành vi rửa tiền là Công ước Viên. Tuy thuật ngữ “rửa tiền” không được sử dụng trong Công ước Viên nhưng nội hàm hành vi tẩy rửa những khoản thu được từ tội phạm ma túy được miêu tả đầy đủ trong mục b, c khoản 1 Điều 3 của Công ước này.

Những năm 90 của thế kỷ XX, một lần nữa người ta lại nói tới việc cần

phải trừng trị những hành vi tẩy rửa các khoản thu được từ tội phạm trong Điều 6 Công ước Palermo, đồng thời đưa ra khái niệm “tội phạm nguồn” là tất cả những loại tội phạm nào mang lại nguồn thu và có thể là đối tượng của tội phạm nêu tại Điều 6 của Công ước. Nếu như Công ước Viên có điểm hạn chế là quy định việc cần thiết hình sự hóa các hành vi rửa tiền nhưng chỉ liên quan đến hành vi buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần thì Công ước Palermo đề cập đến vấn đề tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia trong đó có tội rửa tiền. Công ước bắt buộc mỗi nước thông qua Công ước phải:

- Hình sự hóa hành vi rửa tiền và quy định tất cả các tội nghiêm trọng là tội phạm nguồn của tội rửa tiền, bất kể tội phạm được thực hiện ở trong nước hay ở ngoài nước và cho phép suy đoán về sự cố ý phạm tội từ những tình tiết khách quan;

- Xây dựng các biện pháp để phòng ngừa và phát hiện mọi hành vi rửa tiền, kể cả nhận dạng khách hàng, lưu giữ hồ sơ và báo cáo các giao dịch đáng ngờ;

- Trao quyền hợp tác và trao đổi thông tin giữa các cơ quan hành chính, quản lý, thi hành pháp luật và các cơ quan khác, cả ở trong nước và trên phạm vi quốc tế và xem xét việc thành lập một đơn vị tình báo tài chính để thu thập, phân tích và phổ biến thông tin và

- Thúc đẩy hợp tác quốc tế.

Ngoài ra còn phải kể đến Công ước quốc tế về chống tài trợ cho khủng bố (1999) trong đó đề cập đến mối liên quan mật thiết giữa rửa tiền và tài trợ cho khủng bố, Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng tại Điều 14 quy định về các biện pháp chống rửa tiền thông qua việc các quốc gia phải thiết lập chế độ giám sát và điều tiết toàn diện đối với các ngân hàng, các tổ chức tài chính phi ngân hàng, kể cả các thể nhân hay pháp nhân cung cấp dịch

vụ chính thức hay không chính thức về chuyển tiền hoặc vật có giá trị nhằm ngăn chặn, phát hiện mọi hình thức rửa tiền... Bên cạnh đó, Công ước cũng đưa ra những yêu cầu mang tính chất khuyến nghị và tùy nghi cho các quốc gia thành viên xem xét thực hiện các biện pháp khả thi nhằm phát hiện, kiểm soát việc di chuyển tiền và các công cụ có thể chuyển đổi thành tiền qua biên giới nước mình...

Trên thực tế, ngoài Liên hợp quốc, hoạt động chống rửa tiền đã liên kết nhiều tổ chức, quốc gia khác như Ngân hàng thế giới, Quỹ tiền tệ quốc tế... Tuy nhiên, bộ máy có tính chuyên môn cao và ràng buộc chặt chẽ là Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền (FATF) được nhóm G7 thành lập tại Pari năm 1989. Đây là tổ chức liên chính phủ chuyên nghiên cứu, đưa ra những chuẩn mực quốc tế về chống rửa tiền và tài trợ khủng bố. Việc thành lập tổ chức này xuất phát từ ý thức cho rằng cần thiết phải tập hợp các cơ quan chức năng như Ngân hàng Trung ương, Bộ Tài chính, Công an... để phòng chống rửa tiền hiệu quả, tạo ra những giải pháp và sự phối hợp toàn diện để giải quyết vấn đề phức tạp này. FATF được coi là bộ máy chống rửa tiền hiệu quả nhất hiện nay bởi liên hệ không chỉ chính phủ sở tại mà còn có nhiều cơ quan chuyên trách chống tội phạm khác ví dụ như Tổ chức cảnh sát quốc tế Interpol... Nhiệm vụ quan trọng nhất của FATF là giúp các nước thành viên ban hành các quy định về phòng, chống rửa tiền mà mục tiêu cuối cùng là ban hành được luật chống rửa tiền. FATF đã ban hành 40 khuyến nghị về vấn đề rửa tiền. Sau nhiều lần sửa đổi cho phù hợp với sự phát triển của các phương thức rửa tiền ngày càng tinh vi, đến năm 2001, FATF mở rộng trách nhiệm giải quyết các vấn đề về tài trợ khủng bố và đã xây dựng 8 khuyến nghị đặc biệt chống tài trợ khủng bố. Vào tháng 10/2004, FATF đã thông qua khuyến nghị đặc biệt 9 liên quan đến người vận chuyển tiền mặt qua biên giới. Khuyến nghị của FATF gồm có:

- Các khuyến nghị về khuôn khổ pháp lý: gồm 3 khuyến nghị về phạm vi của tội rửa tiền và các biện pháp tạm thời và xử lý tài sản của người phạm tội. Theo những khuyến nghị này, các quốc gia trên thế giới phải hình sự hóa hành vi rửa tiền theo các chuẩn mực nêu trong các Công ước Viên và Palermo. Cũng theo đó, các quốc gia cần cân nhắc áp dụng các biện pháp cho phép tịch thu các khoản thu nhập phạm pháp đó mà không cần phải buộc tội hình sự hoặc tịch thu tài sản nếu người phạm tội không chứng minh được nguồn gốc hợp pháp của chúng.

- Các khuyến nghị về các biện pháp phòng ngừa mà các định chế tài chính và các tổ chức, cá nhân chuyên nghiệp làm dịch vụ tài chính phải áp dụng để ngăn ngừa hoạt động rửa tiền và tài trợ khủng bố

Có 22 khuyến nghị về các biện pháp mà các định chế tài chính cần phải thực hiện và cơ chế quản lý giám sát tuân thủ. Đó là các khuyến nghị về: các biện pháp nhận biết khách hàng, đánh giá khách hàng, lưu giữ các số liệu liên quan tới các giao dịch tài chính; các biện pháp trong quan hệ ngân hàng đại lý, quan hệ với các nhân vật có ảnh hưởng về chính trị; về trách nhiệm báo cáo các giao dịch đáng ngờ; các biện pháp mà các quốc gia cần áp dụng khi các tổ chức, cá nhân trong nước không tuân thủ quy định về phòng chống rửa tiền và đối với các quốc gia không tuân thủ các khuyến nghị của FATF. Ngoài ra, các khuyến nghị của FATF còn đề cập tới tầm quan trọng của công tác quản lý, hướng dẫn và giám sát việc thực thi của các định chế tài chính.

- Các khuyến nghị về các biện pháp tổ chức và các biện pháp cần thiết khác

9 Khuyến nghị khác của FATF liên quan tới những chuẩn mực pháp lý về mặt tổ chức, các nguyên tắc hoạt động, các chức năng, quyền hạn và những yêu cầu về nguồn lực cho các Cơ quan tình báo tài chính (FIU), cơ quan điều tra, các cơ quan giám sát, thanh tra có thể thực thi tốt trách nhiệm

của mình trong công tác phòng chống rửa tiền và đảm bảo có cơ chế hợp tác hiệu quả. Bên cạnh đó, những khuyến nghị này cũng đề cập các biện pháp nhằm ngăn chặn việc sử dụng pháp nhân một cách bất hợp pháp của những đối tượng rửa tiền, cần phải đảm bảo có thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời về uỷ thác nhanh, bao gồm cả thông tin về người uỷ thác, người được uỷ thác và người hưởng lợi.

- Hợp tác quốc tế về chống rửa tiền

6 Khuyến nghị của FATF đề cập tới các vấn đề liên quan tới hợp tác quốc tế nói chung về chống rửa tiền, về hỗ trợ pháp lý và dẫn độ và các hình thức hợp tác quốc tế khác. Khuyến nghị chung là các nước cần tiến hành các bước nhanh chóng trở thành thành viên và thực hiện các điều khoản quy định trong Công ước Viên, Công ước Palermo và Công ước Quốc tế năm 1999 của Liên Hợp Quốc về chống tài trợ khủng bố; khuyến khích thông qua và thực hiện Công ước quốc tế liên quan khác như Công ước năm 1990 của Hội đồng Châu Âu về tẩy rửa, truy tìm, bắt giữ và tịch thu các khoản thu nhập từ tội phạm và Công ước Liên Mỹ về chống khủng bố năm 2002.

40 khuyến nghị nêu trên được áp dụng không chỉ đối với hoạt động rửa tiền mà còn đối với hoạt động tài trợ khủng bố và khi kết hợp với 9 khuyến nghị đặc biệt về tài trợ khủng bố, chúng tạo ra một khuôn khổ các biện pháp nhất quán, toàn diện và tối thiểu mà các quốc gia cần thực hiện.

Mặc dù các khuyến nghị về luật pháp được đưa ra, nhưng FATF vẫn tiến hành đánh giá việc thực hiện của các nước thành viên qua việc từng nước đã nỗ lực như thế nào và đã ban hành được luật mới chưa. Một chức năng khác của FATF là cung cấp các trợ giúp kỹ thuật cho các tổ chức ngoài nhóm. Theo hướng này, FATF đã làm việc với FATF Caribê, Hội đồng châu Âu, Tổ chức những người giám sát ngân hàng ngoài quốc gia, Hiệp hội châu Á Thái Bình Dương về rửa tiền (APG) và tổ chức của Mỹ. Năm 1997, FATF thành

lập Ủy ban đặc biệt về Trung và Đông Âu để giúp đỡ, phối hợp và trao đổi thông tin giữa Ủy ban và các nước thuộc khối Trung Âu trước kia và hiện nay đang trong giai đoạn chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ kế hoạch tập trung sang kinh tế thị trường.

Mặc dù FATF không tham gia trực tiếp vào cuộc chiến chống tội phạm rửa tiền như các cơ quan, tổ chức khác như Interpol, Ngân hàng thế giới... và các cơ quan tư pháp quốc gia, nhưng FATF đã có ảnh hưởng tích cực trong việc tạo ra thêm những quy tắc và luật lệ quốc tế về phòng, chống rửa tiền. Qua việc đánh giá các nước trong việc phòng, chống rửa tiền, FATF đã yêu cầu các nước thành viên không chỉ ban hành hệ thống luật pháp, mà còn phải thực hiện các luật đó một cách nghiêm túc. Hơn nữa, FATF đã tạo ra một diễn đàn hợp tác phòng, chống rửa tiền trên phạm vi quốc tế và đã thúc đẩy mạnh mẽ hơn nữa các hoạt động phối hợp xuyên quốc gia phòng, chống rửa tiền. FATF cũng đã thành công trong việc biên soạn danh sách những nước và những tổ chức khủng bố liên quan đến rửa tiền [36].

Có thể nói, việc thiết lập một hệ thống phòng, chống rửa tiền hoạt động hiệu quả là một công việc rất khó khăn. Tuy nhiên, với hệ thống các cơ sở lý luận đã nêu trên, chúng ta đã có nền tảng để có thể hoàn thiện quy định pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng về chống rửa tiền. Thực tế hiện nay, hệ thống các văn bản về tội phạm rửa tiền ở Việt Nam có rất ít và còn có những quy định chưa tương thích với quy định về rửa tiền của thế giới. Ngoài các quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 về tội rửa tiền mà sắp tới sẽ được thay thế bằng BLHS năm 2015, Luật phòng chống rửa tiền số 07/2012/QH13 ngày 18/6/2012, Nghị định số 116/2013/NĐ-CP ngày 04/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền, Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC, Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 hướng dẫn thực hiện một

số quy định về phòng, chống rửa tiền và Thông tư số 31/2014/TT-NHNN ngày 11/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 nêu trên thì hầu như không còn văn bản quy phạm pháp luật nào khác về tội phạm rửa tiền. Về mặt lý luận cũng có rất ít nghiên cứu chuyên sâu về vấn đề này trong bối cảnh Việt Nam. Do đó, việc sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện các quy định của pháp luật về rửa tiền và hệ thống lý luận hỗ trợ về tội danh này là hết sức cần thiết.

3.1.2. Cơ sở thực tiễn

Từ năm 1986 khi nước ta chuyển sang cơ chế thị trường, đời sống kinh tế xã hội đã có rất nhiều thay đổi. Kinh tế phát triển mạnh mẽ, đời sống người dân được cải thiện, số lượng các doanh nghiệp được thành lập mới gia tăng nhanh chóng, quá trình đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài và sự xuất hiện của các tập đoàn đa quốc gia trong nền kinh tế Việt Nam ngày càng lớn, lượng kiều hối đổ về Việt Nam do người dân gửi về và các doanh nghiệp nước ngoài đầu tư vào Việt Nam ngày càng nhiều, các sự kiện kinh tế lớn như Việt Nam gia nhập Tổ chức thương mại thế giới WTO, hiệp định hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương TTP mở đường cho sự phát triển và hoà nhập sâu rộng hơn của kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế thế giới...

Tuy nhiên, đi cùng với những thuận lợi trên là những khó khăn không nhỏ, các loại tội phạm nguồn của tội rửa tiền như mua bán ma túy, tham nhũng, buôn lậu và làm hàng giả, lừa đảo, đánh bạc, mại dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ em gia tăng nhanh chóng về số lượng và quy mô, tội phạm xuyên quốc gia phát triển nhanh chóng, trong số kiều hối đổ về Việt Nam có cả kiều hối có nguồn gốc bất hợp pháp liên quan đến rửa tiền, trong số các doanh nghiệp mới thành lập có cả những doanh nghiệp được thành lập từ nguồn tiền bất hợp pháp, duy trì hoạt động để rửa tiền..., những mảnh khoe, thủ đoạn phạm tội mới cũng tinh vi xảo quyệt hơn...

Trên thực tế, từ khi có quy định về tội rửa tiền trong BLHS năm 1999 đến nay, số lượng các vụ án về tội rửa tiền không nhiều. Một số vụ đã bị phát hiện ở Việt Nam như: vụ Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam nhận được email từ một số doanh nhân Nigeria yêu cầu mở tài khoản 28.000.000 USD, hứa sẽ chi lại 15% tổng số tiền; đầu tháng 10/2008, vụ án rửa tiền xuyên quốc gia đầu tiên ở Việt Nam đã được phát hiện, xác định rõ nguồn gốc xuất xứ tiền phạm pháp và bắt được đối tượng phạm tội là người nước ngoài. Bọn tội phạm đánh cắp từ một tài khoản có uy tín tại nước ngoài, chuyển vào Việt Nam tại 2 chi nhánh ngân hàng thương mại tại Đà Nẵng và Bà Rịa – Vũng Tàu số tiền 4.100.000.000 đồng rồi ngay sau đó tìm cách rút ra. Trong vụ án này, đối tượng tên Baggio Carlitos Linska (quốc tịch Mozambique), đã bị bắt tạm giữ tại sân bay Tân Sơn Nhất ngày 24/9/2008. Cùng lúc, Phòng An ninh kinh tế (PA17) Công an Đà Nẵng cũng phối hợp với Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu bắt tạm giữ khẩn cấp đối với Massamba Lendebe Elvis, quốc tịch Mozambique tại Bà Rịa - Vũng Tàu. Riêng đối tượng Niaty Lokasso Djamba, quốc tịch Congo - kẻ đã mở tài khoản và được chuyển số tiền trên 3,34 tỷ đồng tại Bà Rịa - Vũng Tàu đã bỏ trốn. Ngoài ra, một số vụ án khác có hành vi có dấu hiệu rửa tiền nhưng sau đó đều bị truy tố về những tội danh khác như cho vay nặng lãi (vụ Huỳnh Thị Huyền Như)...

Theo báo cáo kiểm soát ma túy toàn cầu (INSCR) năm 2008 của Mỹ, mạng lưới buôn lậu cần sa giữa Mỹ và Việt Nam có khả năng rửa hàng chục triệu đôla Mỹ hàng tháng tại Việt Nam, không chỉ thông qua hệ thống ngân hàng chính thức và buôn lậu khối lượng tiền mặt lớn, mà còn kéo theo nhiều tổ chức kinh doanh chuyển tiền trên đất Mỹ, mà theo báo cáo, đã chuyển vào Việt Nam khoảng trên 100.000.000 đôla Mỹ hàng năm. Người ta nghi ngờ rằng phần lớn số tiền trên thu được từ những hoạt động phạm tội. Các cơ quan thực thi pháp luật ở Úc và Anh cũng cho rằng có sự vận chuyển một khối

lượng lớn lợi nhuận từ ma túy ngược vào Việt Nam và sau đó lại được chuyển ra khỏi đất nước này [15, tr.14].

Như vậy, con số phát hiện và xét xử rất ít nhưng thực tế, tội phạm rửa tiền ở Việt Nam xảy ra khá phổ biến. Với tình trạng mua bán ma túy bất hợp pháp đáng báo động như hiện nay, lượng tiền cần rửa là vô cùng lớn. Sự gia tăng khối lượng ma túy mà tội phạm thực hiện qua mỗi vụ án cho thấy khoản lợi nhuận khổng lồ mà tội phạm ma túy thu được. Bên cạnh đó, nạn tham nhũng trầm trọng cũng dẫn đến những khoản tiền khổng lồ cần được xóa dấu vết. Cách thức rửa tiền ở Việt Nam cũng không khác nhiều so với thế giới, chủ yếu là đầu tư mua sắm bất động sản trong và ngoài nước, tài sản có giá trị lớn như du thuyền, xe hơi, xa xỉ phẩm, đầu tư mở nhà hàng, khách sạn, khu vui chơi giải trí, thậm chí là trường học, bệnh viện, mua cổ phiếu của các công ty chân chính đang làm ăn có lãi, mở các công ty “ma” (công ty không hoạt động trên thực tế nhưng hàng năm vẫn báo cáo có lãi), đầu tư vào hoạt động tài chính, tín dụng, ngân hàng... Những phương thức rửa tiền truyền thống cũng đang tồn tại ở Việt Nam như mở tài khoản sau đó rút ngay những khoản tiền có giá trị lớn...

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng thực tế và số lượng tội phạm rửa tiền bị xét xử chênh lệch lớn bao gồm cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về mặt khách quan, do thói quen tiêu dùng của người Việt vẫn dùng tiền mặt là chủ yếu nên việc giám sát các giao dịch tài chính để phát hiện tiền bẩn rất khó thực hiện. Việt Nam vẫn là nền kinh tế tiền mặt phổ biến mặc dù tỉ lệ sử dụng tiền mặt có xu hướng giảm qua từng năm (năm 2004 tỉ lệ này là 20,35%, năm 2005 là 19,01%, năm 2006 là 17,21% và năm 2007 là 16,36%) [15, tr.10]. Báo cáo kiểm soát ma túy toàn cầu (INSCR) năm 2008 chỉ ra rằng: “có bằng chứng một khối lượng lớn tiền mặt đã được vận chuyển dưới hình thức xách tay vào Việt Nam, điều này là hợp pháp nếu như các khoản tiền này

được khai báo”. Tuy nhiên, Chính phủ Việt Nam không có đòi hỏi bất cứ một thông tin nào liên quan đến nguồn gốc hay việc sử dụng các khoản tiền được đưa vào Việt Nam [15, tr.13]. Cùng với đó, sự kém phát triển của khoa học kỹ thuật, trang thiết bị máy móc trong hoạt động tài chính ngân hàng cũng góp phần tạo điều kiện cho tội phạm dễ dàng xóa hoặc không để lại dấu vết khi thực hiện các bước rửa tiền. Về mặt chủ quan, chúng ta vẫn giữ thói quen tư duy cũ coi rửa tiền là một khâu trong quá trình thực hiện tội phạm nguồn do đó chỉ trừng trị tội phạm nguồn và xử lý vật chứng là những phần tài sản thu hồi được khi điều tra tội phạm nguồn. Bên cạnh đó, có những trường hợp vụ án rửa tiền không được điều tra, truy tố, xét xử do tác động của những cá nhân có quyền lực mà có thể chính những cá nhân đó đã tham nhũng và chỉ đạo hoạt động rửa tiền...

Theo Hiệp hội toàn cầu Global Integrity, sự xuất hiện của Luật phòng, chống tham nhũng giúp chúng ta được điểm rất mạnh theo tiêu chí “pháp luật”, nhưng lại bị điểm rất yếu theo tiêu chí “thực thi” [15, tr.10]. Trong khi đó, như đã phân tích tại chương I, quy định của BLHS Việt Nam năm 1999 và BLHS Việt Nam năm 2015 về tội rửa tiền còn có những điểm hạn chế. Những bất cập trong các quy định của pháp luật, đặc biệt là BLHS liên quan đến tội phạm rửa tiền ngày càng lộ rõ và ảnh hưởng đến quá trình vận dụng pháp luật vào thực tiễn. Đây là những khó khăn không nhỏ ảnh hưởng tới công tác đấu tranh phòng chống rửa tiền của nước ta trong giai đoạn hiện nay. Do đó, yêu cầu thay đổi, hoàn thiện pháp luật nói chung và BLHS tội rửa tiền nói riêng đặt ra cấp thiết. Để làm được điều này, ngoài việc vận dụng các quy định của các tổ chức quốc tế thì việc tìm hiểu, học hỏi từ pháp luật các nước có vai trò quan trọng không kém. Trên cơ sở so sánh quy định về tội rửa tiền giữa BLHS Việt Nam hiện hành và BLHS một số nước thuộc hệ thống luật thành văn và án lệ đã nêu trong chương II, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm

được nêu trong phần 2 dưới đây để xem xét áp dụng vào BLHS Việt Nam về tội rửa tiền.

3.2. Bài học kinh nghiệm về lập pháp hình sự từ việc so sánh với Bộ luật hình sự Trung Quốc và Thụy Điển, Mỹ và Canada

3.2.1. Bài học kinh nghiệm về lập pháp hình sự từ việc so sánh với Bộ luật hình sự Trung Quốc và Thụy Điển

Qua so sánh với BLHS của mỗi nước có thể rút ra kinh nghiệm để sửa đổi, bổ sung vào quy định về tội rửa tiền của BLHS Việt Nam như sau:

Thông qua quy định của BLHS Trung Quốc, thấy tội rửa tiền được xếp vào nhóm tội có khách thể loại là các tội xâm phạm trật tự quản lý tiền tệ hay rộng hơn là các tội xâm phạm trật tự kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Đây là quy định phù hợp với bản chất của hành vi rửa tiền bởi hành vi rửa tiền trước tiên xâm hại đến sự ổn định, trật tự của nền kinh tế, tài chính, “phá hoại cơ cấu bộ máy Chính phủ, hoạt động tài chính và thương mại hợp pháp, phá hoại xã hội ở mọi cấp độ” [17, tr.1]. Trong khi đó, BLHS Việt Nam năm 1999 và năm 2015 đều quy định tội rửa tiền trong chương Các tội xâm phạm an toàn công cộng, trật tự công cộng là nhóm quan hệ xã hội mà tội phạm rửa tiền xâm hại gián tiếp thông qua việc xâm hại trực tiếp các quan hệ xã hội về trật tự quản lý kinh tế. Việc quy định nhóm khách thể loại đúng sẽ tạo nhận thức đúng đắn về tính nghiêm trọng của tội phạm rửa tiền, qua đó chúng ta sẽ có đường lối đấu tranh phù hợp, hiệu quả hơn. Do đó, cần xem xét qui định tội danh này trong chương các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế thì phù hợp hơn.

Ngoài các hành vi phạm tội rửa tiền cụ thể được liệt kê, nhà làm luật Trung Quốc đã thiết lập một quy định có tính tổng quát bao trùm mọi dạng hành vi rửa tiền là “dùng những biện pháp khác để che đậy, giấu diếm tính chất, nguồn gốc nguồn thu bất hợp pháp” sẽ bị xác định là hành vi phạm tội rửa tiền. Quy định này đã bao quát tất cả mọi dạng hành vi rửa tiền, kể cả

những hành vi chưa được liệt kê trong luật. Để buộc tội, chỉ cần chứng minh hành vi bất kỳ có đặc điểm như quy định đã nêu là đủ. BLHS Việt Nam năm 1999 và năm 2015 đều không có quy định này mà chỉ có các quy định mô tả nhóm hành vi cụ thể. Trong khi đó có hai dạng hành vi khác được Luật phòng, chống rửa tiền xác định là hành vi rửa tiền nhưng không được quy định trong cả hai BLHS nói trên. Ngoài ra, nếu trong tương lai phát sinh những dạng hành vi rửa tiền mới không thuộc nhóm các hành vi rửa tiền đã được xác định thì chúng ta sẽ không có quy phạm điều chỉnh. Do đó, chúng ta cần xem xét tiếp thu kinh nghiệm này của BLHS Trung Quốc.

Tuy nhiên, điểm nổi bật nhất trong quy định tội rửa tiền của BLHS Trung Quốc mà chúng ta cần xem xét là nhà làm luật Trung Quốc quy định trách nhiệm hình sự của pháp nhân khi thực hiện hành vi phạm tội phải chịu hình thức phạt tiền, người chủ quản chịu trách nhiệm trực tiếp và người chịu trách nhiệm trực tiếp khác thì bị phạt tù đến 5 năm... Trước khi BLHS Việt Nam năm 2015 ra đời, pháp nhân chưa được quy định là chủ thể tội phạm trong BLHS và là vấn đề tranh cãi sôi nổi giữa những người làm công tác pháp luật. Tuy tại khoản 2 Điều 3 BLHS năm 2015 đã quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân thương mại, điều này được coi là một bước tiến của pháp luật hình sự Việt Nam, nhưng tội rửa tiền lại không nằm trong nhóm các tội danh có chủ thể là pháp nhân thương mại. Như vậy vẫn xác định chủ thể duy nhất của tội rửa tiền là thể nhân. Quy định này thể hiện sự bất cập của BLHS năm 2015 vì pháp nhân là một chủ thể tham gia rất nhiều trong hoạt động kinh tế - tài chính và việc rửa tiền thường dựa chủ yếu vào tính chất pháp lý trong các giao dịch với pháp nhân. Do đó nếu không quy định chủ thể của tội phạm rửa tiền gồm cả pháp nhân sẽ là một lỗ hổng lớn, dẫn đến sự lơ là mất cảnh giác thậm chí là vô trách nhiệm trong hoạt động của pháp nhân, trong khi vai trò giám sát, phát hiện và chống rửa tiền của pháp nhân là cực

kỳ quan trọng và hữu hiệu. Đặc biệt trong hoàn cảnh hiện nay, kể từ ngày 10/10/2013 trong hệ thống pháp luật Việt Nam không có bất cứ một chế tài nào để áp dụng khi pháp nhân vi phạm các quy định về chống rửa tiền. Do đó, để nâng cao ý thức tuân thủ và bảo vệ pháp luật, BLHS Việt Nam cần quy định về trách nhiệm hình sự của pháp nhân đối với tội rửa tiền. Ngoài ra, pháp luật Trung Quốc ngoài việc xử phạt tiền pháp nhân còn xác định cả trách nhiệm của người đứng đầu pháp nhân. Đây là quy định rất nghiêm khắc của nhà làm luật Trung Quốc mà chúng ta cần xem xét và tiếp thu trong tương lai

Qua nghiên cứu quy định về tội rửa tiền trong pháp luật hình sự Thụy Điển, thấy BLHS Thụy Điển có điểm khác biệt lớn so với pháp luật hình sự Việt Nam là quy định trường hợp phạm tội với lỗi vô ý cũng phải chịu trách nhiệm hình sự.

Hiện nay, BLHS Việt Nam chỉ xử lý trường hợp cố ý phạm tội. Tuy nhiên, trong nhiều trường hợp, có những người đã vô ý thực hiện hành vi rửa tiền như cán bộ ngân hàng chủ quan không nghi ngờ và không kiểm tra kỹ các giao dịch bất thường trong thời gian ngắn với số lượng tiền rất lớn tại các tài khoản mới mở hoặc tài khoản mở lâu nhưng đã đóng băng trong thời gian dài, cho nên mặc dù không cố ý che giấu tội phạm, không biết rõ tiền, tài sản do phạm tội mà có nhưng đã thực hiện hành vi rửa tiền, tiếp tay cho tội phạm. Đối chiếu với quy định của BLHS Việt Nam thì trường hợp vô ý mà BLHS Thụy Điển quy định là trường hợp vô ý do cẩu thả. Với quy định hiện hành của BLHS Việt Nam, chỉ các trường hợp cố ý mới phạm tội thì trên thực tế sẽ xảy ra tình trạng một số cá nhân mặc dù có thể nhận biết tiền, tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp nhưng đã lơ là, cẩu thả, mất cảnh giác, thậm chí là vô trách nhiệm dẫn đến việc thực hiện hành vi rửa tiền không cố ý, đặc biệt là những cá nhân công tác trong những ngành nghề liên quan đến tài chính, tiền tệ, không phát hiện ra những dấu hiệu tiền, tài sản bất hợp pháp mà vẫn thực

hiện những hành vi nghiệp vụ hoặc những hành vi khác liên quan đến số tiền, tài sản đó, vô tình cung cấp vỏ bọc hợp pháp cho chúng. Để tránh bỏ lọt tội phạm, nâng cao ý thức và trách nhiệm của mọi công dân trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm rửa tiền, nhà làm luật Việt Nam nên xem xét và đưa trường hợp phạm tội với lỗi vô ý vào quy định của BLHS tội rửa tiền.

3.2.2. Bài học kinh nghiệm về lập pháp hình sự từ việc so sánh với pháp luật hình sự của Mỹ và Canada

Là một quốc gia có nền kinh tế phát triển, Mỹ cũng là nước đi đầu trong cuộc chiến chống rửa tiền. Nước Mỹ đã xây dựng một hệ thống pháp lý vững chắc với những chế định tương đối rõ ràng nhằm ngăn chặn nạn rửa tiền. Pháp luật hình sự Mỹ về tội rửa tiền đã quy định khá chặt chẽ, đầy đủ trong đó các hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản có nguồn gốc bất hợp pháp cũng được quy định là hành vi rửa tiền. Đây là quy định mà BLHS Việt Nam cần học hỏi. Bởi vì quy định như vậy là chính xác, phù hợp với bản chất của hành vi và các quy định quốc tế có liên quan. Ngoài ra, pháp luật hình sự Mỹ còn quy định về hình phạt tiền có thể được áp dụng là hình phạt chính thay cho hình phạt tù. Đây là cách nhìn tiến bộ, thể hiện sự linh hoạt trong đường lối xử lý tội phạm. Trong một xã hội phát triển, không phải lúc nào hình phạt tù giam cũng cần thiết và có tác dụng hơn các hình phạt khác. Trong một số trường hợp đặc biệt như người phạm tội là người già, người lao động duy nhất trong gia đình... thì hình phạt tiền là giải pháp tốt cho cả Nhà nước và người phạm tội. Trong BLHS Việt Nam, một số tội danh đã quy định phạt tiền là hình phạt chính nhưng đối với tội rửa tiền, nhà làm luật Việt Nam chỉ quy định một hình phạt chính là tù có thời hạn, còn phạt tiền là hình phạt bổ sung. Điều này thể hiện sự nghiêm khắc của nhà làm luật, tuy nhiên việc quy định chế tài lựa chọn hình phạt chính gồm phạt tiền và tù giam như pháp luật hình

sự Mỹ cũng là một kinh nghiệm hay, tạo sự linh hoạt, mềm dẻo cho những người làm công tác áp dụng pháp luật để vận dụng vào những trường hợp cụ thể khi mà việc xử phạt hình phạt tù là giải pháp ít hiệu quả nhất.

Điểm nổi bật trong quy phạm pháp luật về tội rửa tiền của Canada là quy định về địa bàn tội phạm nguồn. Đó là quy định về trường hợp tội phạm nguồn là “một hành động hoặc không hành động ở bất kỳ nơi nào khác mà nếu xảy ra tại Canada sẽ cấu thành một tội được quy định”. Quy định này xác định không chỉ có những tội phạm rửa tiền có tội phạm nguồn thực hiện trong nước mới bị xem xét mà những tội phạm nguồn thực hiện ở nước ngoài nhưng việc rửa tiền thực hiện ở Canada cũng bị xử lý hình sự nếu hành vi phạm tội ở nước ngoài cấu thành tội phạm theo pháp luật Canada. Đây là một quy định rất cụ thể xác định rõ giới hạn tội phạm nguồn, tránh những xung đột pháp lý có thể xảy ra khi tội phạm liên quan đến nhiều quốc gia, đồng thời thể hiện sự tuân thủ nghiêm túc khuyến nghị 1 trong bản 40+9 khuyến nghị về chống rửa tiền và tài trợ cho khủng bố của FATF [7]. Trong khi hầu hết các nước đều tập trung vào xác định hành vi, hình phạt, xác định các tội phạm nguồn theo tội danh hoặc tính chất thì nhà làm luật Canada ngoài việc xác định các yếu tố cơ bản của cấu thành tội phạm còn xác định rất rõ về tội phạm nguồn theo địa bàn. Quy định này là rất cần thiết, rõ ràng, chặt chẽ và đầy đủ mà nhà làm luật Việt Nam nên xem xét áp dụng trong quy phạm rửa tiền của BLHS Việt Nam để đảm bảo quyền lợi của quốc gia trong những vụ án rửa tiền xuyên quốc gia.

3.3. Những đề xuất cụ thể

Qua toàn bộ những phân tích, so sánh, đánh giá đã trình bày trong luận văn này, trên cơ sở xem xét cấu thành tội phạm rửa tiền của BLHS Việt Nam năm 1999, tác giả đã chỉ ra những hạn chế của BLHS năm 1999; đồng thời

qua nghiên cứu so sánh giữa BLHS năm 1999 với BLHS năm 2015, tác giả đã chỉ ra một số bất cập của BLHS năm 1999 đã được BLHS năm 2015 khắc phục. BLHS năm 2015 tuy là Bộ luật mới và đến 01/7/2015 mới có hiệu lực, tuy nhiên, qua nghiên cứu của mình, tác giả đã chỉ ra những bất cập về tội rửa tiền mà BLHS năm 2015 vẫn chưa giải quyết được. Do đó, tác giả đề xuất hướng hoàn thiện BLHS năm 2015 như sau:

1. Sắp xếp tội rửa tiền vào nhóm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế. Bản chất của hành vi rửa tiền là ảnh hưởng trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế, sự ổn định lành mạnh của môi trường kinh tế, sau đó mới gián tiếp xâm hại đến các quan hệ xã hội khác như an toàn công cộng, trật tự công cộng là nhóm khách thể mà tội rửa tiền đang được xếp vào đây. Do đó xếp tội rửa tiền vào nhóm các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế là phù hợp, khoa học hơn.

2. Hợp nhất tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội rửa tiền thành một điều luật có tên gọi là tội rửa tiền, bởi vì về bản chất hành vi chứa chấp, tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là hành vi rửa tiền, người phạm tội biết tài sản do phạm tội mà có và cố tình thực hiện hành vi nhằm che giấu nguồn gốc bất hợp pháp của tiền, tài sản. Bên cạnh đó, các Công ước Palermo và Công ước Viên cũng quy định những hành vi này là hành vi rửa tiền. BLHS Việt Nam tách riêng thành hai tội như hiện nay là không khoa học và không phù hợp với các quy định của quốc tế.

3. Cần bổ sung quy định “thực hiện bất kỳ hành vi nào khác nhằm che giấu, giấu diếm, thay đổi nguồn gốc bất hợp pháp của tài sản” là một quy định trong nhóm các quy định mô tả hành vi phạm tội. Quy định khái quát này nhằm thu tóm mọi dạng hành vi rửa tiền khác không nằm trong số các hành vi đã được mô tả do chúng mới xuất hiện hoặc nhà làm luật bỏ sót khi xây dựng luật. Như vậy sẽ tránh được tình trạng không có quy phạm xử lý dẫn đến bỏ lọt tội phạm khi BLHS chưa kịp sửa đổi để cập nhật các dạng hành vi mới.

4. Bổ sung quy định trường hợp phạm tội với lỗi vô ý như “thực hiện các hành vi rửa tiền nhưng không nhận thức được, mặc dù có cơ sở hợp lý để cho rằng tài sản có liên quan đến tội phạm”. Quy định như vậy góp phần nâng cao ý thức pháp luật của công dân, hạn chế tình trạng cầu thả, vô trách nhiệm nên thực hiện hành vi rửa tiền một cách vô ý của nhiều cá nhân, đặc biệt là những cá nhân làm công tác chuyên môn nghiệp vụ liên quan đến tài chính, tiền tệ, có thể dẫn đến những hậu quả hết sức nghiêm trọng cho kinh tế, xã hội.

5. Bổ sung chủ thể của tội rửa tiền là pháp nhân bên cạnh chủ thể thể nhân. Pháp nhân, đặc biệt là pháp nhân thương mại có vai trò rất quan trọng trong quá trình tội phạm rửa tiền, vì việc hợp pháp hóa tiền, tài sản bản thường được thực hiện thông qua giao dịch với các pháp nhân để có vỏ bọc pháp lý hoàn hảo. Chính vì vậy nhiều văn bản pháp luật khác đã quy định về các hình thức giám sát, báo cáo các giao dịch đáng ngờ của các định chế tài chính do vị trí tiên phong quan trọng của định chế tài chính - pháp nhân trong công tác phòng chống rửa tiền. Do đó, việc quy định chủ thể của tội rửa tiền là pháp nhân là hết sức cần thiết và hợp lý, hạn chế tình trạng buông lỏng quản lý, vô trách nhiệm trong quá trình hoạt động của pháp nhân.

6. Bổ sung hình phạt chính là hình phạt tiền bên cạnh hình phạt tù. Trong những hoàn cảnh nhất định áp dụng hình phạt tiền đem lại lợi ích nhiều hơn cho cả người phạm tội và Nhà nước, do đó nên quy định theo cách thức lựa chọn hình phạt. Quy định như vậy vẫn đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nhưng lại thể hiện sự linh động của pháp luật, giúp người làm công tác áp dụng pháp luật có những lựa chọn khác nhau phù hợp với hoàn cảnh của người phạm tội mà vẫn đảm bảo tính chất trừng trị, giáo dục tội phạm.

7. Quy định phạm vi tội phạm nguồn ngoài những tội phạm được quy định trong BLHS còn có những hành vi được thực hiện ở nước ngoài

nhưng theo pháp luật Việt Nam hành vi đó đã cấu thành tội phạm. Quy định này không chỉ phù hợp với khuyến nghị 1 trong 40+9 khuyến nghị của FATF mà còn rất cần thiết để xử lý trong các trường hợp tội phạm nguồn xảy ra ở quốc gia khác nhưng rửa tiền tại Việt Nam, tránh tình trạng xung đột pháp lý, đảm bảo vị trí, vai trò và quyền lợi của nước ta khi xảy ra những vụ án xuyên quốc gia.

8. Quy định khái niệm “tài sản” trong phần chung BLHS Việt Nam phù hợp với quy định trong bộ luật dân sự, luật phòng, chống tham nhũng, Công ước Liên hợp quốc và chỉ sử dụng cụm từ “tài sản do phạm tội mà có” trong điều luật.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Hoàn thiện các quy định của BLHS nói chung và tội rửa tiền nói riêng là một yêu cầu tất yếu của công cuộc cải cách tư pháp. Quy định tội rửa tiền trong BLHS năm 2015 mặc dù đã có thay đổi, đã khắc phục được một số hạn chế của BLHS năm 1999 nhưng vẫn còn có những hạn chế, thiếu sót cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung để có thể hoàn thành tốt nhất vai trò của mình trong công tác bảo vệ pháp luật. Dựa trên những bài học kinh nghiệm lập pháp từ BLHS của một số quốc gia thuộc hệ thống luật thành văn và án lệ, xuất phát từ cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, các quy định của pháp luật quốc tế và thực tiễn đặc thù của xã hội nước ta, người viết đã nghiên cứu và đưa ra một số vấn đề cần tiếp tục sửa đổi, bổ sung đối với tội rửa tiền trong BLHS Việt Nam. Những vấn đề này bao gồm cả sự đánh giá về vị trí sắp xếp hay nói cách khác là khách thể của tội phạm, tên gọi của đối tượng tác động đến những phân tích về từng khía cạnh nội dung của tội rửa tiền như chủ thể, trạng thái lỗi, hành vi, hình phạt, tội phạm nguồn... mà nếu được áp dụng, sẽ tạo nên một quy phạm tội rửa tiền chặt chẽ, hoàn chỉnh, không để lọt tội phạm, góp phần tích cực vào công tác đấu tranh phòng chống tội phạm rửa tiền trong quốc gia và trên trường quốc tế.

KẾT LUẬN

Cùng với xu thế phát triển toàn cầu, ngày nay, tội phạm rửa tiền đã và đang vươn vọi bách tuộc đến nhiều quốc gia, gây ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế, ngăn cản tiến trình hội nhập, tạo nguy cơ cô lập kinh tế giữa các nước, lũng đoạn ngành tài chính ngân hàng, làm thay đổi các khoản đầu tư và suy giảm sức sản xuất, hậu thuẫn cho tội phạm và tham nhũng phát triển. Do đó, việc ngăn chặn loại tội phạm này là yêu cầu cấp bách không chỉ trong phạm vi quốc gia mà cả quốc tế. Để làm được điều này, thiết lập quy phạm tội rửa tiền hoàn chỉnh là nhiệm vụ đầu tiên và có ý nghĩa quyết định. Xuất phát từ quan điểm đó, tác giả đã chọn đề tài “So sánh quy định của BLHS Việt Nam với quy định của BLHS một số nước về tội rửa tiền” nhằm nghiên cứu quy định tội rửa tiền trong BLHS Việt Nam và so sánh với một số quốc gia để tìm ra những điểm hạn chế và cách khắc phục. Trong chương I của luận văn, tác giả đi sâu phân tích cấu thành tội phạm rửa tiền trong BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015, nêu ra những hạn chế của quy định tội rửa tiền trong BLHS năm 1999 mà BLHS năm 2015 đã khắc phục được và những điểm hạn chế còn tồn tại của BLHS năm 2015. Tại chương 2, tác giả so sánh quy định tội rửa tiền trong BLHS nước ta và BLHS một số nước thuộc hệ thống luật thành văn (Trung Quốc, Thụy Điển) và một số nước thuộc hệ thống án lệ (Mỹ, Canada). Trên cơ sở những nghiên cứu ở hai chương đầu, trong chương 3, tác giả trình bày cơ sở lý luận và thực tiễn để hoàn thiện quy định tội rửa tiền, những bài học kinh nghiệm lập pháp cụ thể rút ra từ quá trình so sánh với quy định tội rửa tiền ở BLHS các nước nói trên, áp dụng những kinh nghiệm này để khắc phục những hạn chế của BLHS năm 1999 đã được BLHS năm 2015 tháo gỡ nhưng chưa triệt để. Trong phần cuối luận văn, tác giả đề xuất những nội dung cần sửa đổi, bổ sung của quy phạm tội rửa tiền, từ việc xác định

nhóm khách thể loại cho đến những sửa đổi về chủ thể, hành vi, hình phạt, cách sử dụng từ ngữ... nhằm hoàn thiện quy phạm này, tiến tới xây dựng một quy phạm tội rửa tiền chuẩn mực, mang lại hiệu quả cao trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm rửa tiền nói riêng và tội phạm nói chung trên phạm vi quốc gia và quốc tế.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

I. Tài liệu tiếng Việt

1. Bộ Công an - Bộ Quốc phòng - Bộ Tư pháp - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Tòa án nhân dân tối cao (2011), *Thông tư liên tịch số 09/2011/TTLT-BCA-BQP-BTP-NHNNVN-VKSNDTC-TANDTC* ngày 30/11/2011 hướng dẫn áp dụng quy định của BLHS về tội chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và tội rửa tiền, Hà Nội.
2. Lương Long Bình (2014), “Một số đề xuất hoàn thiện quy định về tội rửa tiền trong BLHS Việt Nam”, *Tạp chí Tòa án nhân dân - Tòa án nhân dân tối cao*, (3), tr. 4-8.
3. Nguyễn Hòa Bình (2004), *Đấu tranh phòng chống tội phạm rửa tiền ở Việt Nam*, NXB Công an nhân dân.
4. Canada, *Bộ luật hình sự*.
5. Chính phủ (2013), *Nghị định 116/2013/NĐ-CP* ngày 04/10/2013 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền, Hà Nội.
6. Lê Đăng Doanh, Trần Thị Hồng Nhạn (2010), “Tìm hiểu về tội phạm rửa tiền – một số vấn đề lý luận và thực tiễn”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, (19), tr. 1-4.
7. FATF (2004), *Lực lượng đặc nhiệm tài chính về chống rửa tiền FATF, 40+9 khuyến nghị về chống rửa tiền và tài trợ cho khủng bố*.
8. Phương Hà (2009), “Khủng hoảng tài chính mở đường cho hoạt động rửa tiền bất hợp pháp”, *Tạp chí kinh tế châu Á - Thái Bình Dương*, (259).
9. Ngô Văn Hiền (2013), *Rửa tiền và các giải pháp phòng chống rửa tiền ở Việt Nam*, Học viện tài chính.
10. Nguyễn Minh Hiền (2013), *Phòng ngừa tội phạm rửa tiền ở Việt Nam*, NXB Công an nhân dân.

11. Đặng Thu Hiền (2010), “Tội phạm rửa tiền trong luật sửa đổi bổ sung một số điều của BLHS và một số vấn đề cần chú ý khi áp dụng”, *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật - Bộ Tư pháp*, (5), tr. 19-25.
12. Nguyễn Đình Hòa (2006), “Rửa tiền và cuộc chiến chống rửa tiền trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay”, *Tạp chí Kinh tế và phát triển*, (106), tr. 34-37.
13. Nguyễn Văn Hoàn (2009), “Sửa đổi, bổ sung quy định của BLHS về tội rửa tiền góp phần tháo gỡ khó khăn trong thực tiễn và đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế”, *Tạp chí Kiểm sát - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao*, (4), tr. 56-61.
14. Diệu Hoàng (2007), “Phương thức rửa tiền ở Việt Nam và kinh nghiệm phòng chống”, *Tạp chí Ngân hàng Ngoại thương*, (3), tr. 23-26.
15. Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật Trung ương (2014), “Chủ đề Pháp luật về phòng, chống rửa tiền”, *Đặc san tuyên truyền pháp luật*, (01).
16. Nguyễn Công Hồng, Nguyễn Văn Hoàn, Nguyễn Thanh Trúc (2008), *Báo cáo so sánh hệ thống pháp luật Việt Nam với 40 khuyến nghị và 9 khuyến nghị đặc biệt của lực lượng đặc nhiệm tài chính*, NXB Hà Nội.
17. Liên hợp quốc (1988), *Công ước về chống buôn bán bất hợp pháp các chất ma túy và chất hướng thần năm 1988* (Công ước Viên).
18. Liên hợp quốc (1999), *Công ước về chống tài trợ cho khủng bố*.
19. Liên hợp quốc (2000), *Công ước Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000* (Công ước Palermo).
20. Liên hợp quốc (2003), *Công ước Liên hợp quốc về chống tham nhũng*.
21. Vương Tinh Mạch (2009), “Phòng chống rửa tiền ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp - Văn phòng Quốc hội*, (7), tr. 48-51.

22. Dương Tuyết Miên (2011), “Đánh giá tính tương thích của pháp luật hình sự Việt Nam về tội rửa tiền với quy định tương ứng của chuẩn mực quốc tế và một số kiến nghị”, *Tạp chí Tòa án nhân dân - Tòa án nhân dân tối cao*, (4), tr. 38-44.
23. Dương Tuyết Miên, Nguyễn Thị Vân Anh (2013, 2014), “Tội rửa tiền - nghiên cứu dưới góc độ so sánh”, *Tạp chí Tòa án nhân dân - Tòa án nhân dân tối cao*, (24), tr. 41 - 45 & (1), tr. 42-45.
24. Nguyễn Ngọc Minh (2011), “Nghiên cứu phạm vi chủ thể của tội phạm rửa tiền trong luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Dân chủ và pháp luật - Bộ Tư pháp*, 12 (237), tr. 9-14.
25. Mỹ (1986), *Bộ tổng luật và Luật kiểm soát rửa tiền*.
26. Ngân hàng Nhà nước (2013), *Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 hướng dẫn thực hiện một số quy định về phòng, chống rửa tiền*, Hà Nội.
27. Ngân hàng Nhà nước (2014), *Thông tư số 31/2014/TT-NHNN ngày 11/11/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013*, Hà Nội.
28. Nguyễn Thị Thúy Ngọc (2009), *Việt Nam với nghĩa vụ pháp lý thành viên nhóm Châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG)*, Luận văn thạc sĩ, Đại học quốc gia Hà Nội.
29. Nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (1980), *Bộ luật hình sự, được thông qua ngày 01/7/1979, có hiệu lực từ ngày 01/01/1980, lần sửa đổi bổ sung gần đây nhất là vào ngày 28/02/2005*.
30. Paul Allan Schott (2007), Sách dịch: *Hướng dẫn tham khảo về chống rửa tiền và tài trợ khủng bố của cán bộ thuộc Ngân hàng tái thiết và phát triển quốc tế*, NXB văn hóa thông tin.
31. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2009), *Bộ luật hình sự Việt Nam năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009)*, Hà Nội.

32. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2012), *Luật phòng, chống rửa tiền số 07/2012/QH13 ngày 18/6/2012*, Hà Nội.
33. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2015), *Bộ luật hình sự*, Hà Nội.
34. Văn Tạo (2010), “Phòng chống rửa tiền - kinh nghiệm của các nước và bài học cho Việt Nam”, *Tạp chí Ngân hàng*, (1).
35. Nguyễn Hữu Thanh (2001), “Về hành vi "Rửa tiền" theo quy định của pháp luật hình sự Việt Nam”, *Tạp chí Luật học*, Trường Đại học Luật Hà Nội, (6), tr. 36-41.
36. Nguyễn Triệu Như Thường (2008), *Tội hợp pháp hoá tiền, tài sản do phạm tội mà có trong luật hình sự Việt Nam*, Luận văn thạc sĩ, Đại học quốc gia Hà Nội.
37. Thụy Điển (1965), *Bộ luật hình sự, được thông qua năm 1962, có hiệu lực kể từ ngày 01/01/1965, được sửa đổi gần nhất vào ngày 01/5/1999*.
38. Trường Đại học luật Hà Nội (2009), *Giáo trình Luật hình sự Việt Nam*, Tập 1, NXB Công an nhân dân.
39. Nông Xuân Trường (2005), “Tìm hiểu về việc phòng chống tội phạm rửa tiền trên thế giới”, *Tạp chí Kiểm sát, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao*, (5), tr. 52.
40. Trần Văn Tuấn (2013), *Hoàn thiện quy định về tội rửa tiền trong Luật Hình sự Việt Nam trên cơ sở kinh nghiệm quốc tế*, Luận văn thạc sĩ, Đại học quốc gia Hà Nội.

II. Các tài liệu trên internet

41. <http://www.saga.vn/rua-tien-hanh-dong-gay-van-duc-nen-kinhte~31873>.
42. <http://www.oed.org/fatf>.
43. <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/rua-tien-va-chong-rua-tien-tren-the-gioi-14116.html>.